



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  
**CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK**

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024**



**Đắk Lắk, 12-2024**

Số: /BC-CTK

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024**

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 11 và 11 tháng năm 2024 nhìn chung ổn định. Sản xuất nông nghiệp tập trung vào việc chăm sóc cây trồng vụ Thu Đông. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng tiếp tục được triển khai ở các địa phương. Thu ngân sách tăng so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì được đà tăng trưởng; Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với cùng kỳ năm trước. Các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch thường xuyên được tổ chức, nổi bật là lễ kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh Đắk Lắk với những tiết mục nghệ thuật đặc sắc cùng với đó là màn bắn pháo hoa rực rỡ đã thu hút một lượng khách du lịch và người dân địa phương thưởng ngoạn. Đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh ổn định, công tác an sinh chăm lo cho đời sống người dân trong dịp lễ tết đang được chuẩn bị; an ninh trật tự xã hội được đảm bảo.

Thu hút đầu tư, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn đạt thấp so với kế hoạch và dự báo sẽ không đạt được kế hoạch vốn năm 2024 do chưa khắc phục được những khó khăn trong cơ chế, chính sách; thiệt hại thiên tai do mưa lớn vẫn còn xảy ra, tai nạn giao thông tiếp tục tăng cả 03 tiêu chí đặc biệt số vụ vi phạm trật tự an toàn giao thông. Dịch bệnh bệnh sốt xuất huyết ở người tiếp tục gia tăng, bệnh dịch tả lợn Châu Phi, viêm da nổi cục và lở mồm long móng vẫn còn xảy ra rải rác ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh.

**A. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

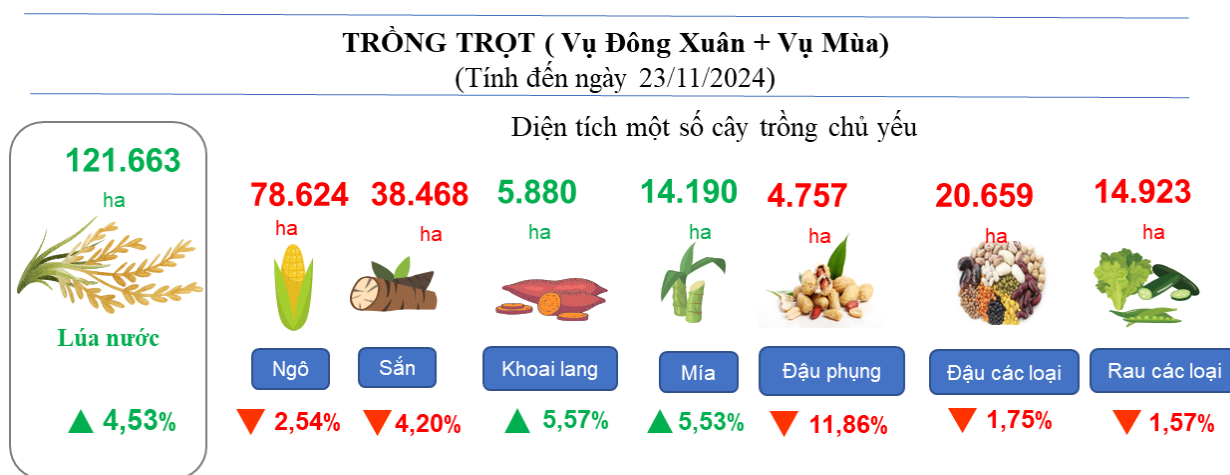
**1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng 11/2024 tập trung vào việc chăm sóc các cây trồng vụ Thu đông; chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định và có chiều hướng tăng so với cùng kỳ, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát; Sản xuất lâm nghiệp tập trung vào công tác trồng rừng; Các loại thủy sản sinh trưởng và phát triển tốt hứa hẹn một mùa vụ năng suất cao.*

## 1.1. Sản xuất nông nghiệp (Vụ Đông xuân + Vụ Mùa)

Tính đến ngày 23/11, tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh ước đạt 329.681 ha, tăng 1,94% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lúa là 121.663 ha, tăng 4,53% so với cùng kỳ năm trước; ngô là 78.624 ha, giảm 2,54%; khoai lang 5.880 ha, tăng 5,57%; sắn 38.468 ha, giảm 4,20%; mía 14.190 ha, tăng 5,53%; lạc 4.757 ha, giảm 11,86%; đậu tương 1.046 ha, giảm 8,81%; rau các loại 14.923 ha, giảm 1,57%; đậu các loại 20.659 ha, giảm 1,75% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng toàn tỉnh giảm so với cùng kỳ chủ yếu giảm ở diện tích ngô, sắn, lạc và đậu tương, rau đậu các loại...

**Hình 1. Gieo trồng một số cây hàng năm**



- Sản xuất vụ Mùa 2024<sup>1</sup>: Tính đến ngày 23/11, tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 260.507 ha, vượt 2,19% KH. Trong đó, lúa mùa 74.198 ha, vượt 23,66% KH, tăng 6,95% so với cùng kỳ năm trước<sup>(2)</sup>; ngô 74.749 ha, đạt 93,68 KH, giảm 3,03% so với cùng kỳ năm trước; khoai lang 3.676 ha, đạt 89,01% KH, tăng 5,24%; sắn 36.919 ha, đạt 90,05% KH, giảm 3,70%; đậu lạc 4.567 ha, đạt 97,17% KH, giảm 12,91%; đậu tương 1.016, đạt 65,55% KH, giảm 9,61%; mía 13.077 ha, vượt 2,97% KH, tăng 5,96%; đậu các loại 19.192 ha, vượt 15,27% KH, giảm 1,77%; rau các loại 9.306 ha, vượt 70,75% KH, giảm 4,92%...

*Thu hoạch vụ Mùa 2024 (vụ hè thu):* Hiện này, trên địa bàn tỉnh cơ bản đã thu hoạch xong các loại cây trồng, trong đó sản lượng lúa ước đạt 502.989 ha, tăng 9,73% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng cây ngô ước đạt 309.107 tấn, giảm 0,99%; sản lượng cây khoai lang đạt 41.310 tấn, tăng 11,93%; sắn đạt 963.979 tấn, giảm 0,23%; mía đạt 947.060, tăng 7,30%; đậu tương đạt 723 tấn, giảm 25,39%; đậu lạc đạt 4.148 tấn, giảm 10,95%; đậu các loại đạt 15.412 tấn, tăng 0,25%; rau các loại đạt 110.685 tấn, giảm 0,32% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ bản, năng

<sup>1</sup> Vụ mùa= Hè thu + Thu đông

<sup>2</sup> Trong đó lúa nước gieo cấy được 73.890 ha và lúa rẫy 309 ha.

suất các loại cây trồng năm nay tương đối ổn định và không có nhiều biến động so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung các loại cây trồng vụ mùa sinh trưởng và phát triển tốt, các loại sâu bệnh được người dân quan tâm, theo dõi và chủ động phòng ngừa nhằm không gây ảnh hưởng đến sản lượng và năng suất các loại cây trồng<sup>3</sup>. Mặc dù vậy, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành nông nghiệp tăng cường theo dõi dịch bệnh của các loại cây trồng để có biện pháp phòng trừ hiệu quả, chỉ đạo các địa phương cùng các cơ quan ban ngành tăng cường công tác kiểm tra giám sát mua bán thuốc BVTV, cử cán bộ hướng dẫn cho bà con cách sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật một cách có hiệu quả cao, không gây ô nhiễm môi trường.

## 1.2. Cây lâu năm

*Cây cà phê:* Ước diện tích hiện có 212.502 ha, tăng 0,19% so với chính thức năm trước, trong đó diện tích trồng mới ước đạt 5.673 ha, tăng 19,05% (chủ yếu là tái canh diện tích cà phê đã già cỗi). Hiện nay, các địa phương đang tập trung nguồn lực và nhân lực bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2024. Thời tiết hiện nay nhìn chung nắng đẹp, khô ráo tạo điều kiện để công tác thu hoạch và phơi cà phê đạt hiệu quả cao. Giá cà phê hiện nay đang ở mức cao nên bà con yên tâm sản xuất. Dự báo sản lượng cà phê năm 2024 của tỉnh ước đạt 550.890 tấn, tăng 2,84% so với cùng kỳ năm trước.

*Cây cao su:* Sản lượng mủ cao su khai thác tháng 11/2024 ước đạt 885 tấn, giảm 7,81% so với cùng kỳ năm trước; tính chung 11 tháng năm 2024, sản lượng cao su khai thác là 30.769 tấn, tăng 3,04% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chủ yếu sản lượng của 03 công ty cao su. Dự báo năm 2024, sản lượng cao su toàn tỉnh đạt hơn 31.000 tấn, tăng 3,90% do diện tích cho sản phẩm và năng suất tăng so với cùng kỳ năm trước.

---

<sup>3</sup> Cụ thể: Tình hình sâu hại trên cây lúa vụ Mùa: Bệnh bạc lá TLH 5-20%, diện tích nhiễm (DTN) 02 ha (Ea Súp);

Trên cây cà phê: Rệp sáp TLH 3-20%, DTN 37 ha (Krông Búk, Cư Kuin, Ea Kar, Krông Pắc) giảm 1,6 ha so với kỳ trước; bệnh nấm hồng TLH 3-10%, DTN 17,5 ha (Krông Búk, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; rệp vảy (xanh, nâu) TLH 5-14%, DTN 16 ha (Krông Pắc, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; bệnh khô cành TLH 1-35%, DTN 13,8 ha (Krông Búk, Ea Kar, Cư Kuin, Ea H'leo) giảm 01 ha so với kỳ trước; bệnh đốm mắt cua TLH 5-17%, DTN 9,5 ha (Krông Pắc, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; bệnh gỉ sắt TLH 3-5%, DTN 0,3 ha (Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; mọt đục cành TLH 3-10%, DTN 0,1 ha (Ea H'leo).

Cây hồ tiêu: Bọ xít lười TLH 1-15%, DTN 18,9 ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, Ea H'leo, Cư Kuin) giảm 5,6 ha so với kỳ trước; bệnh chết chậm TLH 1-20%, DTN 18,9 ha (Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Pắc, Ea Kar, Cư Kuin) tương đương so với kỳ trước; bệnh thán thư TLH 1-11%, DTN 5,2 ha (Krông Pắc, Cư Kuin, Ea H'leo) tăng 1,2 ha so với kỳ trước; tuyến trùng TLH 3-7%, DTN 03 ha (Krông Pắc) tương đương so với kỳ trước; bệnh chết nhanh TLH 1-10%, DTN 1,2 ha (Ea H'leo, Krông Năng); rệp sáp gốc TLH 1-3%, DTN 01 ha (Ea H'leo)..

## Hình 2. Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu

### Ước dự báo sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu

				
<b>77.100 tấn</b> ▲ 3,31%	<b>31.000 tấn</b> ▲ 3,90%	<b>550.890 tấn</b> ▲ 2,84%	<b>317.690 tấn</b> ▲ 12,92%	<b>48.560 tấn</b> ▼ 3,28%

**Cây tiêu:** Các địa phương đang bước vào giai đoạn chăm sóc sau khi cho sản phẩm như làm cỏ, vun gốc, bón phân, công tác phòng trừ bệnh được chú trọng. Ước sản lượng Tiêu thu hoạch năm nay đạt 77.100 tấn, tăng 3,31% so với chính thức năm trước. Sản lượng tiêu tăng do năng suất sản phẩm tăng 7,34% so với cùng kỳ năm trước. Dự báo, trong thời gian sắp tới, diện tích trồng và diện tích cho sản phẩm cây tiêu sẽ tăng do giá thu mua tiêu hạt năm nay tăng mạnh và duy trì ổn định. Vì thế, ngành nông nghiệp tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc hoạch định phát triển diện tích trồng cây tiêu của người dân, tránh trường hợp diện tích cây tiêu tăng quá nhanh và phá vỡ cơ cấu diện tích cây lâu năm trên địa bàn tỉnh.

**Cây lâu năm khác:** Hiện nay, cây bơ đã thu hoạch xong, diện tích bơ toàn tỉnh ước đạt 3.869 ha, giảm 20,62% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng ước đạt 48.560 tấn, giảm 3,28%. Việc tiêu thụ trái bơ năm nay gặp nhiều khó khăn, do giá cả vẫn ở mức thấp (10.000-12.000 đồng/kg) nên người dân hầu như không đầu tư trồng mới mà chủ yếu chuyển sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn. Trái ngược với cây bơ, trong 02 năm gần đây cây sầu riêng được bà con mở rộng đầu tư chăm sóc. Ước diện tích sầu riêng toàn tỉnh năm nay là 37.381 ha, tăng 14,02% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích trồng mới là 5.293 ha, giảm 11,21% so với năm trước, diện tích cho sản phẩm là 18.196 ha, tăng 14,78% so với năm trước. Ước sản lượng sầu riêng đạt 317.690 tấn, tăng 12,92%. Giá sầu riêng năm nay nhìn chung vẫn duy trì được mức giá cao và sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước đã tạo thu nhập ổn định cho người dân. Dự báo, trong những năm tiếp theo sản lượng và diện tích sầu riêng của tỉnh sẽ tăng do yếu tố lợi nhuận.

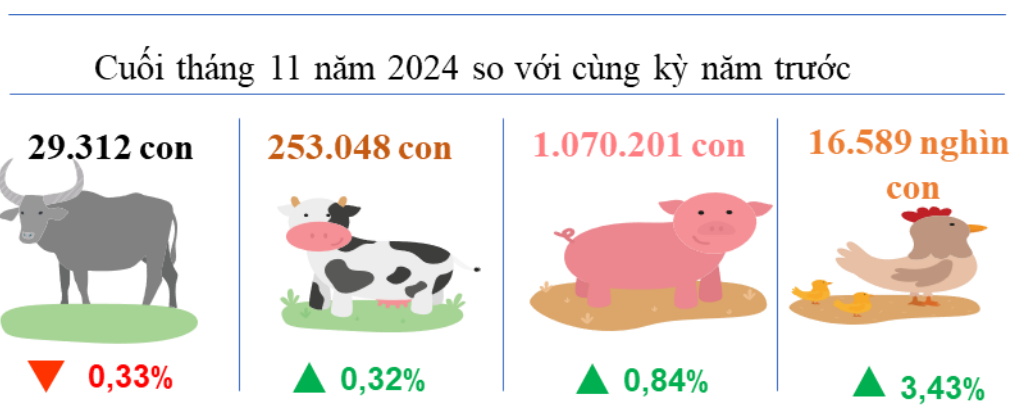
### 1.3. Công tác chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi trong tháng 11/2024 như sau: Ước số lượng đàn trâu là 29.312 con, tăng 0,33% so với cùng kỳ năm trước. Ước số con xuất chuồng là 867 con, tăng 2,36% so với cùng kỳ năm trước; Sản lượng thịt trâu xuất chuồng ước đạt 282 tấn, tăng 4,06%. Tính chung 11 tháng năm 2024, sản lượng thịt trâu xuất chuồng là 2.877 tấn, tăng 3,23%. Dự báo sản lượng thịt trâu xuất chuồng

năm 2024 là 3.164 tấn, tăng 2,60% so với cùng kỳ năm trước là do người dân chuẩn bị nguồn thực phẩm trong các dịp lễ tết.

Đàn bò hiện có 253.048 con, tăng 0,32% so với cùng kỳ năm trước là do nguồn thức ăn dồi dào, người dân tranh thủ tái đàn. Ước số con xuất chuồng trong tháng 11/2024 là 8.152 con, tăng 2,09%; Sản lượng thịt bò xuất chuồng là 2.012 tấn, tăng 5,23%. Tính chung 11 tháng năm 2024, sản lượng thịt hơi xuất chuồng là 19.621 tấn, tăng 3,31%; dự báo năm 2024 đạt 21.740 tấn, tăng 4,32% so với cùng kỳ năm trước

### Hình 3. Số lượng gia súc, gia cầm



Đàn lợn hiện có 1.070.201 con, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,84%. Ước số con xuất chuồng trong tháng 11/2024 là 208.496 con, tăng 6,03% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng là 18.875 tấn, tăng 9,88%. Tính chung 11 tháng năm 2024, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 183.851 tấn, tăng 3,66%. Dự báo năm 2024 ước đạt 202.926 tấn, tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay bà con nông dân đang tập trung vào công tác tái đàn nhằm chuẩn bị nguồn thực phẩm cho những dịp lễ, tết cuối năm.

Đàn gia cầm hiện có 16.589 nghìn con gia cầm, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,43%. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng trong tháng 11/2024 đạt 8.462 tấn, tăng 12,64%. Tính chung 11 tháng năm 2024, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng là 83.581,2 tấn, tăng 4,58%; sản lượng trứng gia cầm đạt 514.642,4 ngàn quả, tăng 12,62% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh đến nay vẫn ổn định, dịch bệnh chỉ xảy ra rải rác ở một vài nơi, diễn biến ở mức độ nhẹ<sup>4</sup>. Tuy

<sup>4</sup> Dịch tả lợn Châu Phi: Trong tháng, dịch bệnh DTLCP phát sinh làm chết và tiêu hủy 1.292 con, khối lượng tiêu hủy 63.896 kg. Tại 78 hộ, 40 thôn/buôn, 13 xã, 06 huyện. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk dịch bệnh DTLCP đã xảy ra tại 234 hộ, 120 thôn, 43 xã của 12 huyện, thị xã, thành phố (Krông Năng; Lắk, Krông Bông, Krông Pắc, Ea Súp, Cư Mgar, Cư Kuin, Buôn Đôn, Buôn Ma Thuột, Krông Búk, Buôn Hồ và Krông Ana) làm chết và tiêu hủy 2.728 con với tổng khối lượng 139.121 Kg.

Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 18 xã/thị trấn thuộc 07 huyện dịch bệnh chưa qua 21 ngày, cụ thể: Cư Mlan, Ea Bung, Ia Rvê huyện Ea Súp, thị trấn Ea Pôk, thị trấn Quảng Phú, xã Ea M'ngang, Ea Kiết

vậy, các ngành, các cấp có liên quan vẫn tích cực chỉ đạo chính quyền địa phương và nhân dân thực hiện tốt công tác giám sát trong thời điểm giao mùa, nhằm phát hiện, điều trị và xử lý kịp thời, tránh để dịch bệnh lây lan, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tăng cường công tác phòng chống dịch ở các chốt kiểm dịch đầu mối ra vào tỉnh và công tác kiểm soát giết mổ trên địa bàn.

*Công tác kiểm dịch:* Trong tháng 11/2024, Chi cục thú y các cấp đã kiểm dịch xuất tỉnh được 662.769 con gia súc, gia cầm. Trong đó: trâu 22 con, bò 228 con, heo 44.069 con, gà 558.150 con, vịt và ngan 60.080 con...Tính chung 11 tháng năm 2024 xuất tỉnh được 9.486.830 con gia súc, gia cầm.

Kiểm dịch nhập tỉnh trong tháng 11/2024 là 1.537.116 con gia súc, gia cầm. Trong đó, bò 1.825 con, heo 38.027 con, gà 1.052.066 con, vịt và ngan 445.198 con...Tính chung 11 tháng năm 2024, toàn tỉnh đã nhập được 15.479.239 con gia súc, gia cầm.

#### **1.4. Lâm nghiệp**

*Khai thác lâm sản:* Trong tháng 11/2024, sản lượng gỗ toàn tỉnh khai thác ước đạt 46.210 m<sup>3</sup>, tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng sản lượng gỗ đã khai thác đạt 405.276 m<sup>3</sup>, tăng 3,42% so với cùng kỳ năm trước là do diện tích rừng trồng đưa vào khai thác tăng.

Sản lượng củi khai thác trong tháng 11/2024 ước đạt 2.557 ste, tăng 2,28% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng sản lượng củi khai thác là 428.081 ste, tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước.

*Phát triển rừng:* Công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thâm canh, chăm sóc, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng phát triển rừng. Tính đến ngày 27 tháng 11 trên địa bàn tỉnh đã trồng rừng được 4.222,41 ha, đạt 232,48 % so với kế hoạch: huyện M'Đrắk 1.029 ha; huyện Krông

---

huyện Cư M'gar; Bông A Drênh huyện Krông Ana, Ea Bêh, Ea Ktur, Ea Tiêu, Cư Êwi, Ea Hu huyện Cư Kuin; xã Hoà Phú thành phố Buôn Ma Thuột; xã Hòa Tiến, Thị trấn Phước An huyện Krông Păk và xã Phú xuân huyện Krông Năng.

\* Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò: Trong tháng, dịch bệnh phát sinh 03 con bò mắc bệnh (tiêu huỷ 01 con bò); tại 03 hộ, 02 thôn, 02 xã, 02 huyện: Ea H'leo và tp Buôn ma Thuột. Lưu ý kể đến nay, trên địa bàn tỉnh phát sinh 02 ổ dịch bệnh viêm da nổi cục, làm mắc bệnh 13 con, chết và tiêu huỷ 07 con, khối lượng tiêu huỷ 834 kg. Hiện nay, trên toàn tỉnh Đắk Lắk có xã Ea H'leo huyện Ea H'leo dịch bệnh VDNC chưa qua 21 ngày.

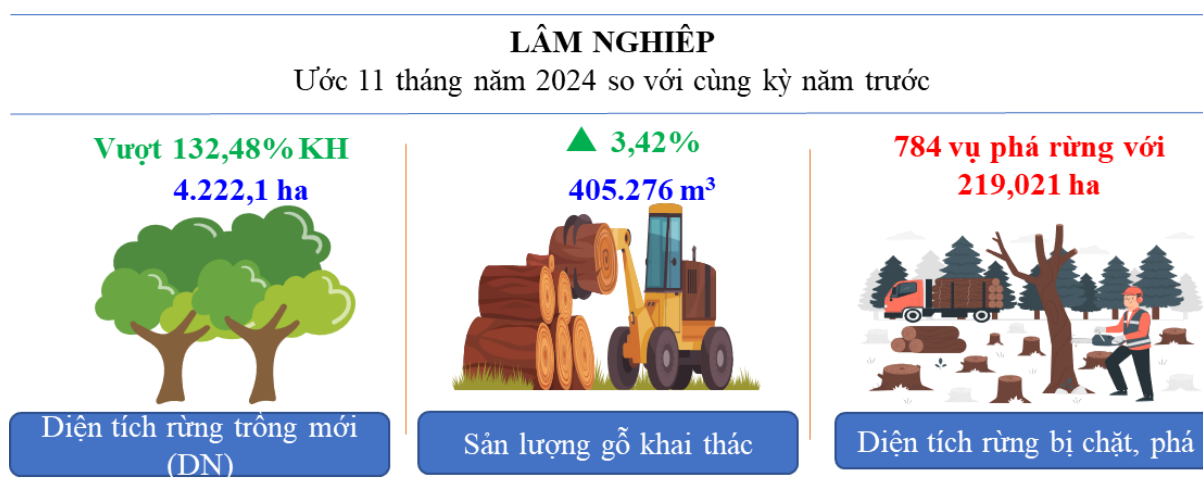
\* Bệnh Lở mồm long móng (LMLM): Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra bệnh LMLM tại 14 hộ thuộc 3 thôn (Cư Klông, Tam Khánh, Tam Thuận) huyện Krông Năng, làm 17 con bò và 10 con trâu mắc bệnh. Đây là bò của chương trình Tiểu dự án 2, Dự án 3 chương trình 1719 thuộc Phòng Dân tộc, huyện Krông Năng là đơn vị chủ đầu tư. Do đàn bò đã được tiêm phòng vắc xin nên số lượng bò mắc bệnh trên đã sớm khỏi bệnh và không lây lan ra diện rộng. Dịch bệnh đã sớm được kiểm soát và khống chế.

Pắc 583,7 ha; huyện Krông Bông 2.011,26 ha; huyện Ea Kar 149,5 ha; huyện Lắk 251 ha; huyện Ea Súp 145 ha, huyện Krông Năng 104 ha; Huyện Ea H'leo 55 ha<sup>5</sup>.

Trồng cây xanh phân tán: Đến nay toàn tỉnh trồng được 196.748 cây, đạt 98,3 % so với kế hoạch.

Hiện nay, các cơ quan ban ngành các địa phương đã chỉ đạo các Công ty lâm nghiệp, các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và hướng dẫn các chủ rừng xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và triển khai công tác quản lý bảo vệ - phòng chống cháy rừng trên toàn bộ diện tích rừng được giao, thường xuyên tuần tra canh gác 24/24 giờ vào mùa khô, cảnh báo và xử lý kịp thời tình huống cháy rừng, chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép làm nương rẫy. Tăng cường kiểm tra, điều tra, xử lý các trường hợp khai thác, mua bán, kinh doanh vận chuyển lâm sản, động vật hoang dã trái phép trên địa bàn toàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra các dự án trồng cao su trên đất rừng, trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện các dự án nông, lâm nghiệp.

#### Hình 4. Sản xuất Lâm nghiệp



*Quản lý bảo vệ rừng:* Ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các ngành chức năng phải thường xuyên tổ chức các Đoàn kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các chủ rừng, đơn vị triển khai công tác PCCCR và tổ chức triển khai công tác phòng chống chặt phá rừng tại các địa phương, đơn vị; đảm bảo công tác trực 24/24 giờ, cảnh báo và xử lý kịp thời tình huống xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép; tăng cường kiểm tra, điều tra, xử lý các trường hợp khai thác, mua bán, kinh doanh vận chuyển lâm sản, động vật hoang dã trái phép trên địa bàn tỉnh. Trong tháng 11/2024, tổng số vụ vi phạm lâm luật là 72 vụ, giảm 8,86% so với tháng trước và tăng 2,86% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 43 vụ phá rừng trái pháp luật, diện tích rừng bị phá 11,014 ha; lâm

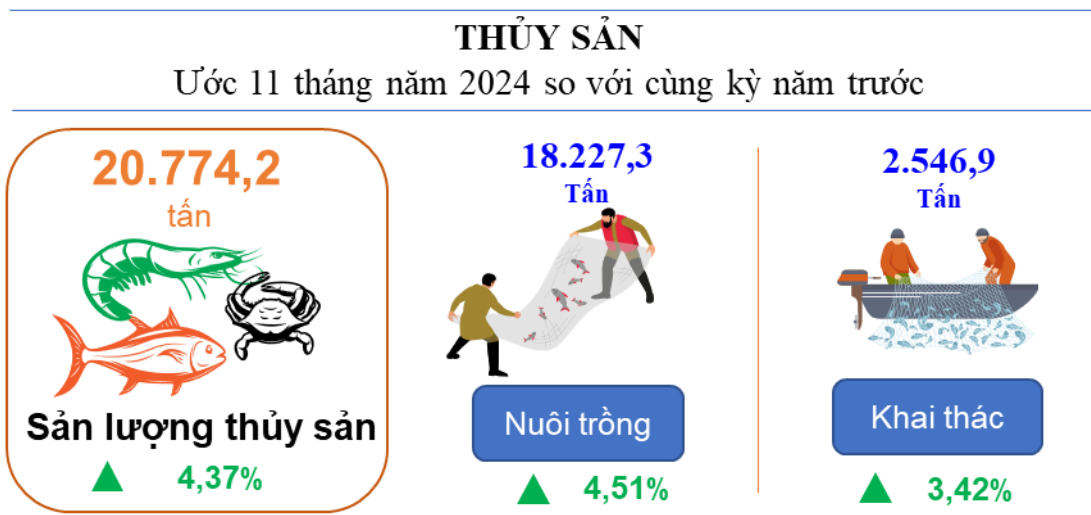
<sup>5</sup> Nguồn số liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh: Số liệu cập nhập từ các doanh nghiệp trồng rừng trên địa bàn tỉnh.

sản tịch thu 11,181 m<sup>3</sup> gỗ các loại, phương tiện tịch thu 13 chiếc các loại, tổng số tiền đã nộp ngân sách là gần 225,9 triệu đồng. Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng số vụ vi phạm lâm luật là 1.010 vụ, trong đó 784 vụ phá rừng trái pháp luật, diện tích rừng bị phá 219,021 ha; lâm sản tịch thu 260,238 m<sup>3</sup> gỗ các loại, phương tiện tịch thu 192 chiếc các loại, tổng số tiền đã nộp ngân sách là 1.574,3 triệu đồng.

### 1.5. Thủy sản

Sản lượng thủy sản toàn tỉnh tháng 11/2024 ước đạt 2.330,8 tấn, tăng 6,14% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024 ước đạt 20.774,2 tấn, tăng 4,37% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 18.227,3 tấn, tăng 4,51%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 2.546,9 tấn, tăng 3,42% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 5. Sản lượng thủy sản**



Hiện nay, một số Trại sản xuất giống trên địa bàn tỉnh đã và đang cho cá bố mẹ sinh sản để phục vụ nhu cầu cá bột năm 2024, sản lượng cá giống các loại trong tháng 11/2024 ước đạt khoảng 31,91 triệu con, tăng 2,44%. Tính chung 11 tháng năm 2024 sản lượng cá giống đạt 343,9 triệu con, tăng 2,30% so với cùng kỳ năm trước.

### 2. Tài chính

*Thu chi ngân sách nhà nước 11 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước (+9,73%) nhờ những giải pháp tăng cường thu ngân sách nhà nước của UBND tỉnh trong quá trình điều hành và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là thu thuế xuất nhập khẩu đã vượt dự toán được giao, thu biện pháp tài chính đã tăng trưởng dương. Chi ngân sách nhà nước vẫn đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước; đảm bảo an sinh xã hội.*

*Thu ngân sách nhà nước:* Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh 11 tháng năm 2024 ước đạt 7.812.543 triệu đồng, vượt 11,61% dự toán TW giao và đạt 91,91% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 9,73% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, một số khoản thu chính: Thu nội địa đạt 7.727.024 triệu đồng, vượt 11,42% dự toán TW và 91,66% dự toán HĐND tỉnh<sup>(6)</sup>, tăng 11,19% so với cùng kỳ năm trước. Thu biện pháp tài chính đạt 1.754.287 triệu đồng, đạt 92,57% dự toán TW và 54,99% dự toán HĐND tỉnh, tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước. Thu thuế xuất, nhập khẩu đạt 85.519 triệu đồng, vượt 31,57% dự toán TW và vượt 22,17% dự toán HĐND tỉnh, giảm 49,72% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 5. Thu chi ngân sách nhà nước**



*Chi ngân sách nhà nước:* Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương 11 tháng năm 2024 thực hiện 19.837.280 triệu đồng, đạt 94,69% dự toán TW và đạt 87,070% dự toán HĐND tỉnh, tăng 10,35% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó chi thường xuyên đạt 12.976.745 triệu đồng, đạt 82,67% dự toán TW và đạt 81,02% dự toán HĐND tỉnh tăng 18,69%; chi đầu tư phát triển đạt 6.860.535 triệu đồng, vượt 40,07% dự toán TW và vượt 10,18% dự toán HĐND tỉnh, giảm 2,59% so với cùng kỳ năm trước.

### 3. Ngân hàng

*Các hoạt động tiền tệ - ngân hàng tiếp tục ổn định, góp phần tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.*

Tổng huy động vốn tính đến ngày 30/11/2024 ước đạt 99.000 tỷ đồng, tăng 19,08% so với đầu năm 2024; tổng dư nợ tín dụng toàn địa bàn tỉnh ước đạt 159.000 tỷ đồng, tăng 4,73% so với đầu năm.

<sup>6</sup> Trong đó: thu thuế và phí đạt 5.256.248 triệu đồng, tăng 15,01% so với cùng kỳ;

Dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh ước đạt 8.007 tỷ đồng, chiếm 5,04% tổng dư nợ, tăng 8,85% so với đầu năm 2024, với trên 206.000 lượt khách hàng còn dư nợ.

#### **4. Sản xuất công nghiệp**

*Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng 11 và 11 tháng năm 2024 tiếp tục tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước, trong đó 4/4 ngành công nghiệp chính đều tăng. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong bức tranh công nghiệp tỉnh trên địa bàn tỉnh. Dự báo trong tháng 12 chỉ số này sẽ tăng trưởng mạnh do các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất nhằm chuẩn bị cho các đơn hàng phục vụ Tết nguyên đán sắp tới.*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 11/2024 tỉnh Đắk Lắk tăng 3,78% so với tháng trước và tăng 14,83% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng giảm 13,30% so với tháng trước và tăng 5,37% so cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,99% so với tháng trước và tăng 27,61% so cùng kỳ; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 5,75% so tháng trước và tăng 6,78% so cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,95% so tháng trước, tăng 38,33% so cùng kỳ năm 2023.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tỉnh Đắk Lắk 11 tháng năm 2024 tăng 7,15% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tăng 13,88% so cùng kỳ, sản phẩm đá xây dựng đạt 1.413,5 ngàn m<sup>3</sup>, tăng 13,93% là do các công ty khai thác đá hoạt động ổn định, nhu cầu phục vụ xây dựng của các dự án tăng.

Chỉ số công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,14% so cùng kỳ. Có 11/15 ngành sản phẩm tác động tích cực đến việc tăng chỉ số của ngành công nghiệp chế biến chế tạo như: Sản xuất máy móc thiết bị chưa phân vào đâu tăng 305,96%, sản phẩm neo, móc các bộ phận rời bằng sắt hoặc thép tăng 33,98%; tiếp đến là sản xuất trang phục tăng 61,69%, sản phẩm quần áo tăng 362,14% do đơn đặt hàng của công ty Able joy tăng; ngành chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 43,28%, sản phẩm vỏ bào, dăm gỗ tăng 87,24%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 31,96%, sản phẩm giày dép có đế hoặc mũ bằng da tăng 39,40%; sản xuất đồ uống tăng 24,11%, sản phẩm bia đóng chai tăng 18,74%; Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 15,04%, sản phẩm cà phê bột tăng 14,63%, đường RS tăng 16,89%; tinh bột sắn tăng 76,16%...<sup>7</sup> Bên cạnh đó, có 03/15 ngành có sự sụt giảm, trong đó giảm mạnh nhất là ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 28,35%; tiếp đến là ngành sản xuất giường tủ, bàn ghế giảm 20,11%, sản phẩm ghế gỗ giảm 16,30%;

---

<sup>7</sup> 07/07 nhà máy đã tổ chức sản xuất trở lại; 02/02 nhà máy đường nghỉ bảo dưỡng máy trang, thiết bị do nguồn nguyên liệu mùa vụ đã hết.

ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 14,30%, sản phẩm cấu kiện nhà lắp sẵn giảm 25,20% đã tác động tiêu cực đến chỉ số sản xuất công nghiệp ngành chế biến, chế tạo 11 tháng năm 2024. Kể từ tháng 7/2024 cho đến nay, trên địa bàn tỉnh có phát sinh thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác với sản phẩm tóc giả, râu giả, lông mi giả và các loại tương tự...với sản lượng 11 tháng là 4.524 kg.

**Biểu 2. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 11 tháng các năm 2020-2024 so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp chủ yếu.**

	2020	2021	2022	2023	2024
Khai khoáng khác	+21,80	-14,05	-25,15	+5,90	+13,88
Sản xuất, chế biến thực phẩm	-6,60	+3,83	+14,53	+32,57	+14,14
Sản xuất đồ uống	-16,70	1,34	+4,96	-27,24	+24,11
Sản xuất trang phục	-1,91	-24,50	-8,09	+42,64	+61,69
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tre, nứa (trừ giường, tủ bàn, ghế)	-17,80	-11,28	+101,94	+49,88	+43,28
In, sao chép bản ghi các loại	+3,41	+15,07	+33,08	-1,56	+9,27
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	-12,36	-3,67	-7,26	-8,58	+3,20
Sản xuất kim loại	+66,31	-6,61	-20,92	-7,95	+4,88
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	-35,06	+133,13	-25,19	-31,57	-20,11
Sản xuất phân phối điện, khí đốt...	+8,55	+50,72	+34,19	-1,30	+1,01

Chỉ số sản xuất ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt tiếp tục tăng 1,01% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù mức tăng không cao nhưng điều này đã góp phần duy trì sự ổn định của toàn ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh vì đây là ngành chiếm tỷ trọng lớn. Sản lượng điện sản xuất 11 tháng đạt 6.329 triệu kwh, giảm 2,36%<sup>8</sup> chủ yếu là do sản lượng thủy điện giảm 8,61%; sản lượng điện thương phẩm đạt 2.213 triệu kwh, tăng 13,09% so với cùng kỳ;

Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá, tăng 14,23% so cùng kỳ, sản lượng nước ghi thu đạt 38.873 ngàn m<sup>3</sup>, tăng 5,63% so cùng kỳ; dịch vụ thu gom xử lý rác thải đạt gần 89,1 tỷ đồng, tăng 26,90% so cùng kỳ.

<sup>8</sup> Sản lượng thủy điện đạt 4.385 triệu KWH, giảm 8,61%; Sản lượng điện mặt trời đạt 1.278 triệu KWH, tăng 5,40%; điện gió đạt 666 triệu KWH, tăng 41,30%.

Nhìn chung, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 11 tháng năm 2024 tiếp tục ổn định và duy trì được đà tăng trưởng khi 4/4 ngành công nghiệp chính đều tăng trưởng dương, trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng duy trì được đà tăng trưởng do nhu cầu đá xây dựng tăng, cơ chế chính sách khai thác được khắc phục; ngành công nghiệp chế biến tăng trưởng do đóng góp của sản phẩm đường RS, tinh bột sắn, cà phê bột, quần áo, giày dép, phân bón... Tuy nhiên, một số sản phẩm như gỗ cưa, bàn ghế, cấu kiện nhà bằng kim loại, bao bì bằng plastic... vẫn gặp khó khăn do tình hình chính trị căng thẳng của các quốc gia trên thế giới đã tác động mạnh vào quá trình sản xuất trong nước. Ngành sản xuất phân phối điện, nước tăng trưởng trở lại chủ yếu là do sự đóng góp của các công trình điện gió và điện mặt trời và sản xuất điện theo sự điều phối của tập đoàn điện lực EVN.

\* *Chỉ số sử dụng lao động*: Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 11/2024, tăng 1,31% so tháng trước và tăng 41,49% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024, chỉ số sử dụng lao động tăng 31,28%. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 45,82%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 1,53%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 177,44%. Tại thời điểm trên, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp khai khoáng giảm 7,73% so với thời điểm năm trước; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 46,92%; công nghiệp sản xuất phân phối điện, tăng 0,70%; công nghiệp cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 3,94% so với cùng kỳ năm trước.

## **5. Hoạt động của doanh nghiệp**

*Về phát triển doanh nghiệp (DN)*: Phát triển doanh nghiệp đã thu hút một lượng vốn đáng kể trong dân cư vào sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho nhiều lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong tháng 11 toàn tỉnh có 120 DN mới thành lập, giảm 25,47% so với tháng 10/2024; tăng 9,09% so với cùng kỳ năm trước với tổng vốn đăng ký là 560 tỷ đồng, giảm 5,09% so với tháng 10/2024, giảm 56,72% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024, toàn tỉnh có 1.365 DN thành lập mới, bằng 73,78% kế hoạch, tăng 9,29% so với cùng kỳ năm 2023, tổng vốn điều lệ đăng ký 8.700 tỷ đồng, giảm 25,98% so với cùng kỳ năm 2023; toàn tỉnh có 333 DN tạm ngừng kinh doanh đã quay trở lại hoạt động, giảm 4,31%.

*Doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường*: Trong tháng 11/2024, toàn tỉnh có 20 DN giải thể và 34 DN tạm ngừng hoạt động. Tính chung 11 tháng năm 2024 số lượng DN giải thể là 195 DN, tăng 7,73% so với cùng kỳ năm trước; số lượng DN tạm ngừng hoạt động là 792 DN, tăng 17,68%.

## Hình 6. Doanh nghiệp



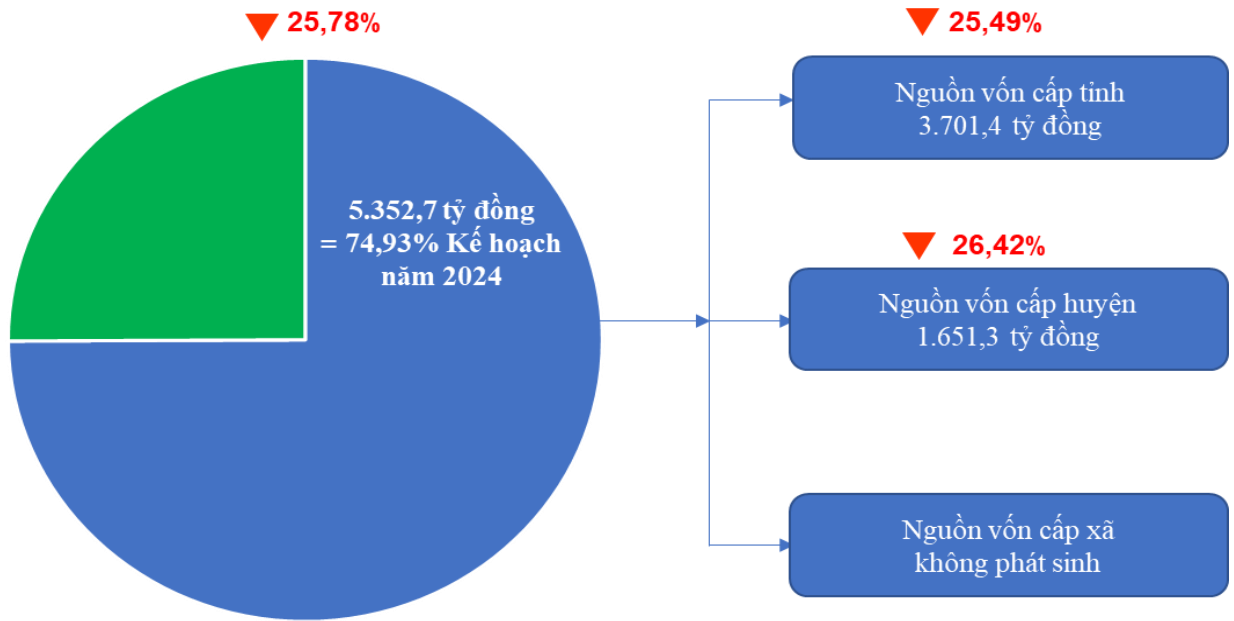
Tình hình thế giới trong những tháng cuối năm tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; DN gặp nhiều khó khăn do giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao; khó khăn về tài chính, thị trường quốc tế bị thu hẹp tiếp tục là những cản trở trong hoạt động của DN. Ngoài ra, những vấn đề hạn chế nội tại của DN như quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu, năng lực cạnh tranh yếu,... tiếp tục là nguyên nhân chính cản trở sự phục hồi, phát triển của DN trong thời gian qua.

### 6. Đầu tư

*Tiến độ giải ngân vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong tháng 11 và 11 tháng năm 2024 tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn và dự báo sẽ không đạt được kế hoạch đề ra. Trong đó, nguồn vốn đạt tỷ lệ giải ngân thấp nhất là ở vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh chủ yếu là do chưa khắc phục được những khó khăn về cơ chế, chính sách...Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường hơn nữa việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư nhằm hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước.*

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản 11/2024 đạt 549,2 tỷ đồng, tăng 9,10% so với tháng trước, giảm 40,93% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nguồn vốn cấp tỉnh đạt gần 439 tỷ đồng, tăng 25,27% và giảm 40,01%; nguồn vốn cấp huyện đạt 110,2 tỷ đồng, giảm 27,92% và giảm 44,33%; nguồn vốn cấp xã không phát sinh. Tính chung 11 tháng năm 2024, ước đạt 5.352,7 tỷ đồng, bằng 74,93% kế hoạch năm, giảm 25,78% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 3.701,4 tỷ đồng, chiếm 69,15% tổng nguồn vốn, giảm 25,49% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 1.651,3 tỷ đồng, chiếm 30,85%, giảm 26,42%.

**Hình 7. Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý (11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước)**



Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý 11 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ giải ngân thấp chủ yếu do: Khó khăn mang tính đặc thù của kế hoạch năm 2024; Khó khăn liên quan đến tổ chức; Khó khăn liên quan đến triển khai thực hiện. Nhằm đảm bảo giải ngân và thực hiện đạt mức cao nhất theo kế hoạch đề ra, tỉnh đã và đang xác định tập trung một số giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư như: Chủ đầu tư cần chủ động phối hợp với nhà tài trợ để giải quyết các vướng mắc liên quan đến cơ chế lựa chọn nhà thầu và cơ chế giải ngân nguồn vốn ODA đối với từng chương trình, dự án; Đối với các chương trình, dự án phải điều chỉnh cơ cấu, tổng mức đầu tư kịp thời trình các nhà tài trợ và các bộ, ngành liên quan xem xét, kịp thời phê duyệt điều chỉnh để tiếp tục thực hiện dự án. Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thi công các dự án; hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn các tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, khắc phục tình trạng điều chỉnh dự án khi đang triển khai. Tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công; kiên quyết xử lý nghiêm các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

Một số công trình, dự án có tiến độ và giá trị thực hiện lớn tiếp tục được đầu tư thực hiện như: Dự án thành phần 3 (Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa-Buôn Ma Thuột giai đoạn 1) ước thực hiện 900.000 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km49+00 ước thực hiện 299.241 triệu đồng; Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ước thực hiện 184.000 triệu đồng; XD hệ thống bản đồ hồ

sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai tỉnh Đắk Lắk ước thực hiện 101.977 triệu đồng; Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị Trung tâm kiểm soát Bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Lắk ước thực hiện 50.000 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Drắk ước thực hiện 48.500 triệu đồng; Trung tâm kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk ước thực hiện 42.343 triệu đồng.

## 7. Giao thông vận tải

*Hoạt động vận tải tháng 11 và 11 tháng năm 2024 duy trì mức tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nổi bật trong đó vẫn chính là doanh thu vận tải hành khách. Hiện nay, ngành giao thông của tỉnh đã chỉ đạo các doanh nghiệp vận tải tăng cường các phương tiện giao thông, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động vận tải cuối năm, đặc biệt trong đó là kỳ nghỉ tết dương lịch và tết nguyên đán sắp tới.*

Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tháng 11/2024 ước đạt 330,2 tỷ đồng, tăng 4,68% so với tháng trước, tăng 16,08% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận tải hành khách tăng 1,75% và tăng 7,11%; vận tải hàng hoá tăng 5,31% và tăng 8,11%.

Tính chung 11 tháng năm 2024 doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát ước đạt 3.329,4 tỷ đồng, tăng 7,15% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, doanh thu của vận tải hành khách đạt 1.166,2 tỷ đồng, tăng 4,42%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 1.160,8 tỷ đồng, giảm 0,07%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 656,2 tỷ đồng, tăng 35,54%; dịch vụ bưu chính chuyển phát đạt 346,2 tỷ đồng, tăng 0,46% so cùng kỳ năm 2023.

### Biểu 3. Vận tải hành khách 11 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (ngàn HK)	Luân chuyển (triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>15.291</b>	<b>1.438</b>	<b>-0,61</b>	<b>+18,55</b>
Đường bộ	15.291	1.438	-0,61	+18,55

Vận chuyển và luân chuyển hành khách trong tháng 11/2024 ước đạt 1.339 ngàn lượt hành khách và 138 triệu lượt hành khách.km, so với tháng trước tăng 0,68% về khối lượng vận chuyển, tăng 1,36% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 4,53% về khối lượng vận chuyển và tăng 22,43% về khối lượng luân chuyển. Vận chuyển và luân chuyển hàng hóa ước đạt 319 ngàn tấn và

87 triệu tấn.km, so với tháng trước tăng 3,91% về khối lượng vận chuyển và tăng 5,06% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 5,28% về khối lượng vận chuyển và tăng 23,24% về khối lượng luân chuyển.

Tính chung 11 tháng năm 2024, vận chuyển và luân chuyển hành khách đạt 15.291 ngàn lượt hành khách và 1.438 triệu lượt hành khách.km, so với cùng kỳ năm trước giảm 0,61% về khối lượng vận chuyển và tăng 18,55% về khối lượng luân chuyển. Tương tự, vận chuyển và luân chuyển hàng hóa ước đạt 3.256 ngàn tấn và 861 triệu tấn.km, so với cùng kỳ năm trước giảm 12,33% về khối lượng vận chuyển và giảm 13,34% về khối lượng luân chuyển.

## **8. Thương mại**

*Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước thường tăng vào những tháng cuối năm; trong kỳ, trên địa bàn tỉnh đã tổ chức Hội chợ Công Thương và sản phẩm OCOP - Đắk Lắk năm 2024. Chính những điều này đã làm cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 và 11 tháng năm khá cao (+11,01%) so với cùng kỳ năm trước. Tình hình thị trường những tháng cuối năm tương đối ổn định, không có nhiều biến động về giá cả ở các mặt hàng thiết yếu. Thương mại điện tử tiếp tục phát triển mạnh, trở thành kênh phân phối quan trọng, góp phần phát triển chuỗi cung ứng và lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh.*

### **8.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ**

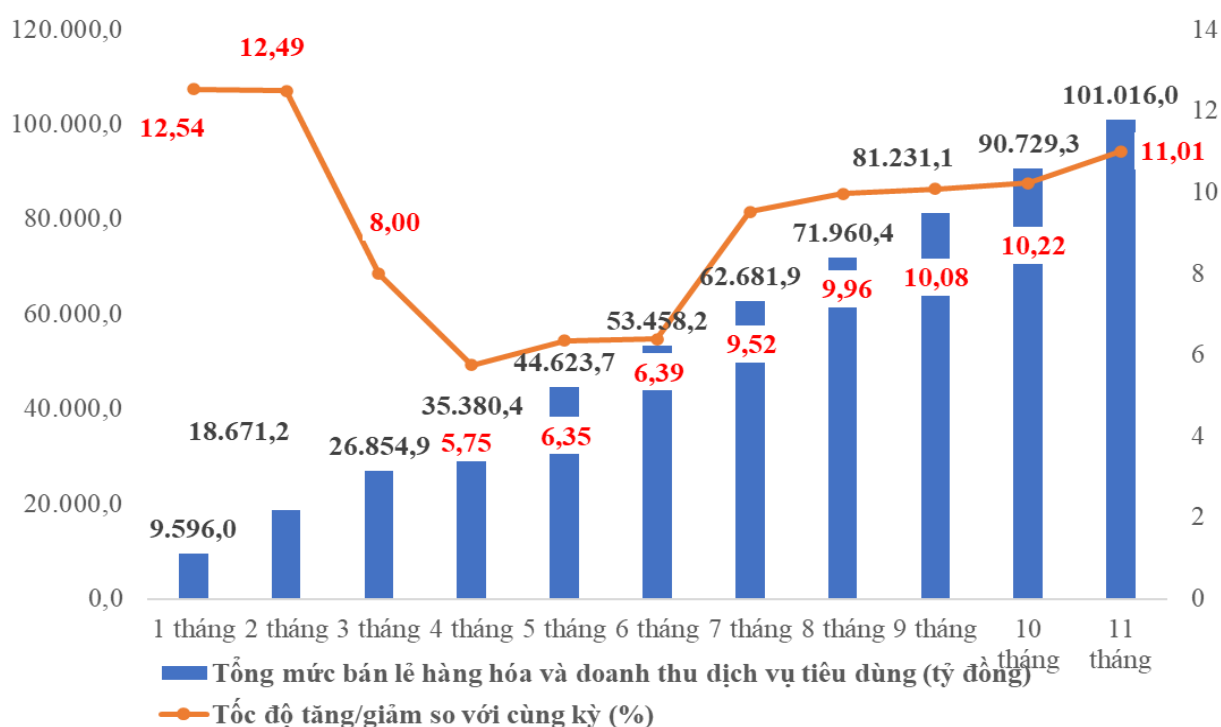
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 11/2024 ước đạt 10.155,2 tỷ đồng, tăng 3,97% so với tháng trước và tăng 17,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.737,6 tỷ đồng, tăng 4,12% so với tháng trước, tăng 17,36% so với cùng kỳ năm trước, Một số nhóm hàng chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sửa chữa xe có động cơ...tăng 57,26%; phương tiện đi lại tăng 42,68%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 26,68%; ô tô các loại tăng 19,75%;... Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống ước đạt 816,4 tỷ đồng, tăng 6,19% so với tháng trước, tăng 14,51% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 82,2 tỷ đồng, tăng 4,40% và tăng 45,59%; dịch vụ ăn uống ước 734,2 tỷ đồng, tăng 6,39% và tăng 11,84%. Doanh thu dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch đạt 10,0 tỷ đồng, tăng 18,24% và tăng 120,41%. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 591,1 tỷ đồng, giảm 1,17% so với tháng trước và tăng 15,10% so cùng kỳ năm trước. Một số ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước như: Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 32,79%; dịch vụ sửa chữa máy tính và đồ dùng cá nhân tăng 27,22%; giáo dục đào tạo tăng 26,51%...

**Biểu 3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành (tỷ đồng)**

	Ước tính Tháng 11 năm 2024	Ước tính 11 tháng năm 2024	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 11 năm 2024	11 tháng năm 2024
<b>Tổng số</b>	<b>10.155,2</b>	<b>101.016,0</b>	<b>+17,04</b>	<b>+11,01</b>
Bán lẻ hàng hóa	8.737,6	86.744,8	+17,36	+10,81
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	816,4	8.246,8	+14,51	+9,17
Du lịch lữ hành	10,0	97,4	+120,41	+59,65
Dịch vụ khác	591,1	5.927,0	+15,10	+16,32

Tính chung 11 tháng năm 2024 thì Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 101.016,0 tỷ đồng, tăng 11,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, *doanh thu bán lẻ* ước đạt 86.744,8 tỷ đồng, tăng 10,81%. Xét theo doanh thu của các mặt hàng bán lẻ một số mặt hàng có mức tăng trưởng thì cao nhất là mặt hàng sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy... tăng 31,95% so với cùng kỳ; xăng dầu các loại tăng 24,91%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 17,57%; lương thực, thực phẩm tăng 15,19%; ô tô các loại tăng 14,64%...; Một số mặt hàng giảm hoặc thấp hơn mức tăng chung như gỗ và vật liệu xây dựng giảm 14,05%; nhiên liệu khác giảm 15,98%; hàng hóa khác giảm 24,99%... Các mặt hàng giảm này đã tác động đến tổng mức bán lẻ trong kỳ.

**Hình 8. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng các tháng năm 2024**



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 11 tháng năm 2024 ước đạt 8.246,8 tỷ đồng, tăng 9,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó *doanh thu dịch vụ lưu trú* đạt 807,1 tỷ đồng, tăng 32,76%; *dịch vụ ăn uống* đạt 7.439,7 tỷ đồng, tăng 7,10%.

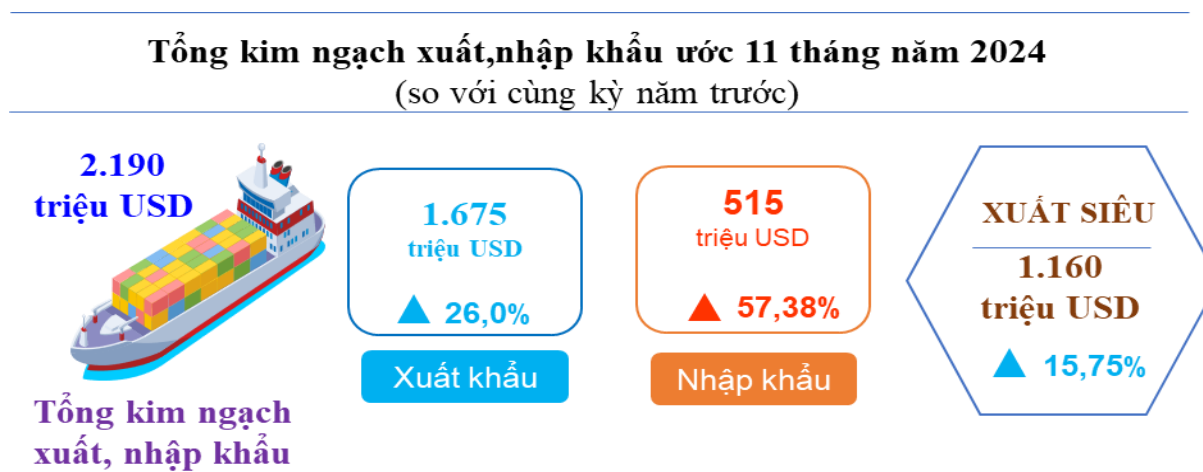
Doanh thu dịch vụ lữ hành và hỗ trợ du lịch đạt 97,4 tỷ đồng, tăng 59,65% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 5.927,0 tỷ đồng, tăng 16,32% so với cùng kỳ năm 2023. Phân theo nhóm, ngành hàng thì dịch vụ thì tăng trưởng cao nhất là ngành dịch vụ y tế và hoạt động hỗ trợ xã hội tăng 30,93%; tiếp đến là ngành dịch vụ sửa máy tính và đồ dùng cá nhân tăng 27,47%; dịch vụ hành chính, hỗ trợ tăng 28,95%, dịch vụ giáo dục tăng 19,98%. Các ngành còn lại có mức tăng trưởng giảm hoặc thấp hơn mức tăng trưởng chung như dịch vụ kinh doanh bất động sản giảm 0,11%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí chỉ tăng 3,94%...so với cùng kỳ năm trước.

## 8.2 Xuất nhập khẩu

Trong 11 tháng năm 2024, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoạt động. Cán cân thương mại hàng hóa 11 tháng năm 2024 ước tính thặng dư xuất khẩu so nhập khẩu đạt 1.160 triệu USD, tăng 15,75% so với cùng kỳ năm trước. Dự báo giá trị xuất khẩu tháng 12 và cả năm 2024 sẽ tiếp tục tăng cao và vượt kế hoạch đề ra khi mà tỉnh nhà bước vào vụ thu hoạch cà phê và một số nông sản khác do giá trị các mặt hàng này đang ở mức cao so với cùng kỳ các năm trước.

### Hình 9: Xuất, nhập khẩu



*Xuất khẩu:* Kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh tháng 11/2024 ước thực hiện 121 triệu USD, tăng 4,31% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng năm 2024 ước thực hiện 1.675 triệu USD, vượt 4,69% kế hoạch, tăng 26,0% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó sản lượng cà phê đạt 221.000 tấn, giảm 17,36%; tiêu đạt 35.500 tấn, tăng 60,48%; điều 41.000 tấn, tăng 2,13%; sản phẩm ong 4.600 tấn, tăng 83,41%; cao su là 8.300 tấn, giảm 22,57%...Xuất khẩu tăng so với cùng kỳ là do

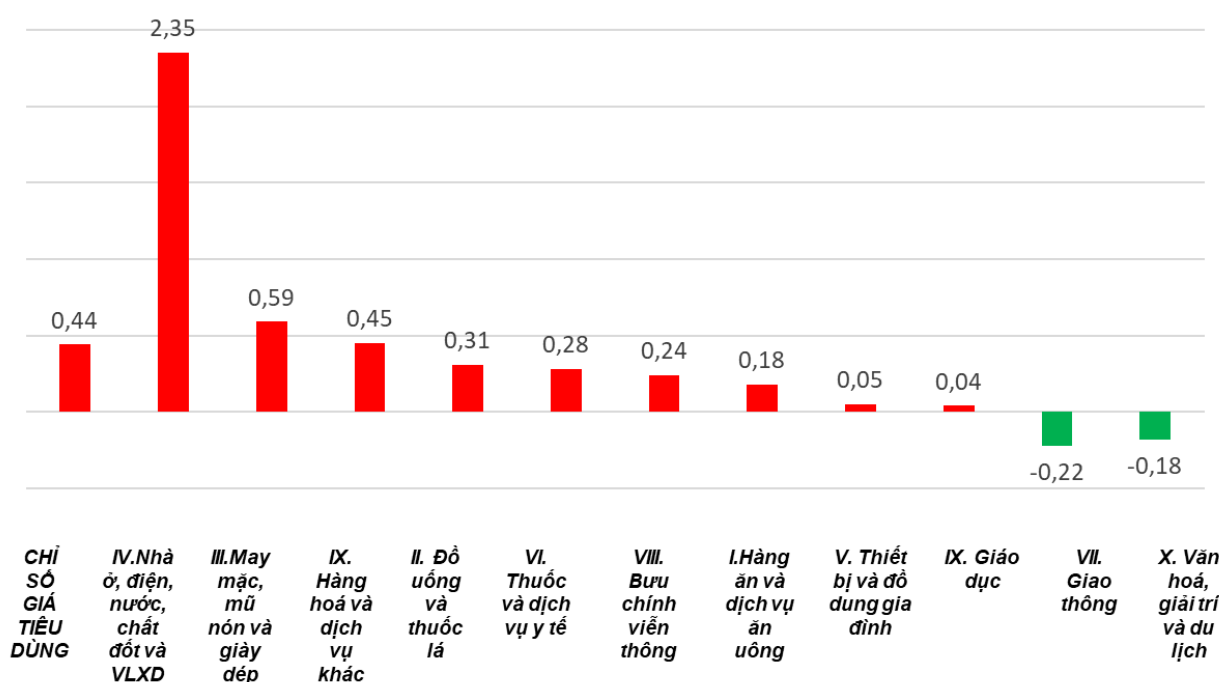
giá một số nông sản đang ở mức cao, nhu cầu thị trường thế giới tăng, đặc biệt là sản phẩm tiêu, điều, sản phẩm ong.

*Nhập khẩu:* Kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh tháng 11/2024 ước thực hiện 45 triệu USD, tăng 4,65% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng năm 2024 ước thực hiện 515 triệu USD, vượt 390,48% kế hoạch, tăng 57,38% so cùng kỳ năm 2023. Nhập khẩu tăng do các dự án công nghiệp của tỉnh nhập trang thiết bị, máy móc, phân bón... để thực hiện các dự án, công trình mới phát sinh trên địa bàn tỉnh.

## 9. Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ

*Giá điện sinh hoạt, gas, dầu hoả, một số mặt hàng thiết yếu thuộc nhóm lương thực... tăng so với tháng 10/2024; giá xăng, dầu, ti vi, xe đạp trẻ em giảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2024, tăng 0,44% so với tháng trước, tăng 5,37% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng 12 năm trước tăng 4,96%. Chỉ số giá bình quân 11 tháng năm 2024 tăng cao, tăng 5,35%.*

**Hình 11. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2024 so với tháng 10/2024 (%)**



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2024 tăng 0,44%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, có 09 nhóm có chỉ số giá tăng nhẹ; 02 nhóm giảm giá so với tháng trước. Trong 09 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm: *Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 2,35% chủ yếu do: Giá đá dăm 1x2 tăng 3,11%, giá cát vàng xây dựng tăng 3,07%, giá nước máy sinh hoạt

tăng 1,17%, giá gas đun 12 kg/bình tăng 2,15%, giá điện sinh hoạt tăng 2,35%<sup>9</sup>; bên cạnh đó có một số mặt hàng giảm như giá tiền thuê nhà ở tư nhân giảm 1,83%, giá gạch lát nền loại 1 giảm 0,44%. *Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép* tăng 0,59% do nhu cầu quần áo, giày dép tăng. Trong đó: Bộ com lê nam tăng 2,06%, áo khoác nam tăng 3,25%, quần âu nam vải kaki tăng 1,06%, bộ quần áo em gái cộc tay tăng 1,32%, dép da của nam tăng 1,68%. *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,45% do nhẫn vàng đeo tay tăng 2,70%; giá dây chuyền vàng tăng 2,99%; giá thuê bộ đồ cưới cô dâu tăng 0,99%. *Nhóm đồ uống và Thuốc lá* tăng 0,31% là do nhu cầu tiêu dùng trong các dịp lễ hội cao như rượu ngoại tăng 0,14%, rượu Vodka Hà Nội tăng 2,35%. *Nhóm Thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,28% là do giá một số loại thuốc tăng là do tình hình chính trị một số nước trên thế giới bất ổn nên một số loại thuốc nhập về từ nước ngoài tăng<sup>10</sup>. Sau nhiều kỳ giảm, nhóm bưu chính viễn thông đã tăng 0,24% là do giá một số loại điện thoại di động tăng như điện thoại cố định tăng 1,63%; điện thoại di động Nokia tăng 2,19%; điện thoại di động dòng Smart hiệu Samsung tăng 1,16%<sup>11</sup>. *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,18%, trong đó: lương thực tăng 0,89%<sup>12</sup>; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,57%<sup>13</sup>. *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,05% do nhu cầu mua sắm của người dân tăng. Trong đó: Máy hút mùi nhà bếp tăng 2,85%; Giường đôi gỗ ép công nghiệp tăng 1,09%; ghế tựa khung sắt mạ tăng 1,44%<sup>14</sup>. *Nhóm giáo dục* tăng 0,04% là do giá vở ô ly học sinh tăng 1,74%, bút bi Thiên Long tăng 1,48%.

Có 02 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: *Nhóm Giao thông* giảm 0,22% là do giá xe ô tô 4 chỗ hiệu KIA giảm 2,43%, xe máy Wave Alpha giảm 1,22%, sảm xe đạp Sao vàng giảm 1,84%, xăng A95 giảm 0,23%, xăng sinh

---

<sup>9</sup> Giá thép cây đốt vằn phi 10 tăng 0,23%; giá gạch bê tông lỗ rỗng tăng 1,84%; giá dầu hỏa tăng 2,22% và có giá bình quân là 30.082 đồng/lít tương đương với giá tăng 653 đồng/lít.

<sup>10</sup> Thuốc Augmentin 625mg tablets, hoạt chất Amoxicilin + acid Clavulanic (500 mg + 125 mg), viên nén bao phim tăng 1,36%; Thuốc Phenerrgan, hoạt chất Promethazin 0,1g, quy cách hộp 1 chai 90 ml, hãng sản xuất: Công ty TNHH Sanofi - Aventis Việt Nam tăng 1,46%; Thuốc Cinnarizin (Hataphar), hoạt chất Cinnarizin 25mg, viên nén, hộp 10 vi, 50 vi x 25 viên tăng 1,53%; Thuốc Telfast BD (đóng gói và xuất xưởng : PT Aventis Pharma-Indonesia), hoạt chất Fexofenadin 60 mg, viên nén bao phim, hộp 1 vi x 10 viên tăng 0,84%; Thuốc Panadol, hoạt chất Paracetamol 500 mg, viên nén dài bao phim, hộp 10 vi x 10 viên tăng 0,96%; Thuốc Efferalgan, hoạt chất Paracetamol 500 mg, viên nén sùi bột, hộp 4 vi x 4 viên, hộp 10 vi x 4 viên tăng 2,47%; Thuốc Acemuc, hoạt chất N-acetylcystein 200mg, viên nang cứng, hộp 3 gói x 1g tăng 0,91%; Thuốc Decolgen, hoạt chất Paracetamol, Phenylephrine HCl (500mg + 5mg), viên nén, hộp 25 vi x 4 viên tăng 2,34%..

<sup>11</sup> Vỏ bao ộp lưng tăng 0,91%.

<sup>12</sup> Giá gạo tẻ thường (Xi dẻo hoặc tương đương) tăng 0,62%, giá sản tươi tăng 3,01%; Bánh đa thái khô tăng 1,47%; Miến được chế biến từ hạt đậu xanh tăng 0,61%.

<sup>13</sup> Com bình dân tăng 0,53%; giá suất ăn tự chọn tăng 2,33%; giá nước mía ép tăng 2,32%; giá chè Lipton tại quán tăng 1,32%.

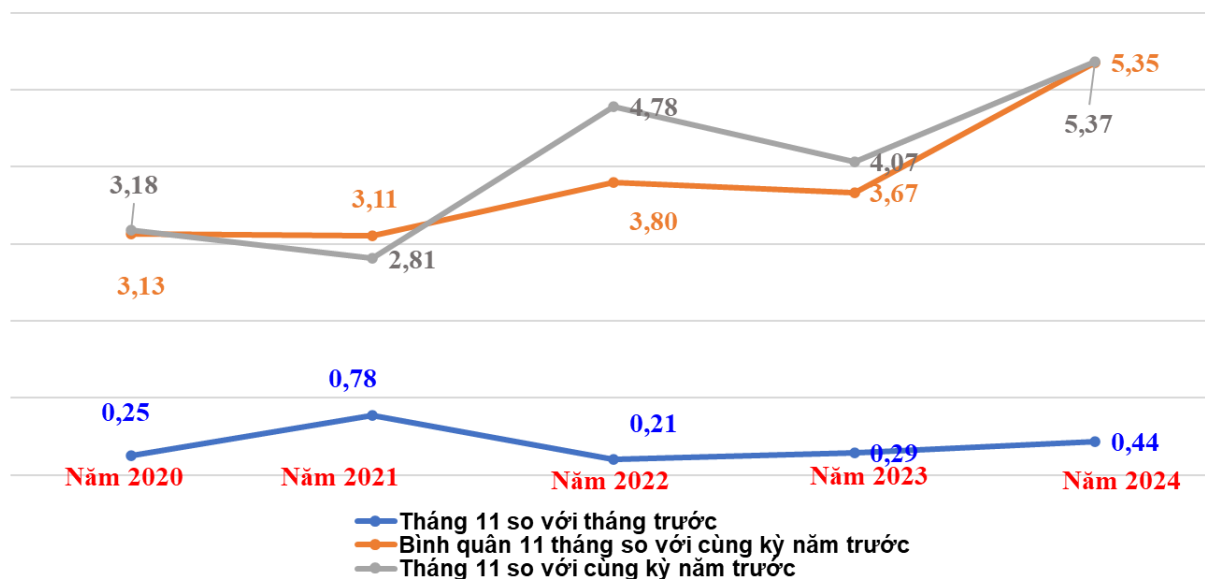
<sup>14</sup> Bình nước nóng Ariston tăng 0,05%; Bàn làm việc gỗ công nghiệp tăng 0,58%...

học E5 giảm 0,34%<sup>15</sup>. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,18% Giá TV màu Led 32 inch giảm 1,57%, xe đạp trẻ em loại 3 bánh giảm 0,26%, hoa hồng giảm 0,76%...đã tác động tích cực đến chỉ số giá tiêu dùng của tỉnh.

Bình quân 11 tháng năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,35%. Có 10/11 nhóm hàng tăng giá. Trong đó, tăng mạnh nhất là nhóm nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 14,89%. Tiếp đến là nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 8,46%. Nhóm giáo dục tăng 5,30%. Nhóm may mặc, giày dép và mũ nón tăng 4,72%. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,26%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,0%, trong đó lương thực tăng mạnh, tăng 18,06%; thực phẩm tăng 4,48%. Nhóm giao thông tăng 3,20%. Nhóm Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,98%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,50%, trong đó dịch vụ y tế tăng 1,20%. Nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 1,47%. Ở chiều ngược lại chỉ có 01/11 nhóm hàng giảm giá đó là nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,33% đã tác động đến chỉ số giá tiêu dùng chung cho cả tỉnh 11 tháng năm 2024.

### Hình 12: Chỉ số giá tiêu dùng

Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 11 và 11 tháng các năm giai đoạn 2020-2024 (%)



Giá vàng tháng 11/2024 tiếp tục biến động cùng chiều với giá vàng thế giới khi tăng 2,87% so với tháng trước; giá Đô la Mỹ tăng 1,89% là do trong kỳ Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) điều chỉnh lãi suất đồng Đô la Mỹ và tình hình chính trị căng thẳng của các quốc gia lớn trên thế giới. Sức mua của loại hàng hóa này không có nhiều biến động. Bình quân 11 tháng năm 2024, giá vàng tăng 19,85%; giá Đô la Mỹ tăng 4,68%.

Hiện nay, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương đã và đang theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới và kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến tình hình trong nước. Đặc biệt, trong việc đánh giá, nhận định các mặt hàng, nguyên vật liệu có khả năng thiếu hụt tạm thời hay trong dài hạn để từ đó đưa ra được chính sách phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các doanh nghiệp cung ứng hàng hóa một cách bình thường. Riêng đối với mặt hàng xăng, dầu, Bộ Công thương và Bộ Tài chính theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu thế giới, đồng thời kết hợp Quỹ bình ổn xăng, dầu để hạn chế mức tăng giá của mặt hàng này. Thông tin kịp thời, chính xác và rõ ràng các chính sách, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm loại bỏ thông tin sai lệch về giá cả thị trường, không để xảy ra hiện tượng lạm phát do tâm lý.

## **B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. An sinh xã hội, lao động**

Tính đến ngày 28/11/2024 trên địa bàn toàn tỉnh không có huyện, thị xã, thành phố có xảy ra thiếu đói. Hiện nay các huyện, thị xã, thành phố, đang tiếp tục rà soát các hộ thiếu đói trên địa bàn để kịp thời hỗ trợ.

Tình hình đời sống người dân trên địa bàn tỉnh trong tháng nhìn chung ổn định, các chính sách an sinh, xã hội thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hiện nay, người dân trên địa bàn tỉnh đang tập trung mọi nguồn lực vào công tác thu hoạch cà phê, tuy nhiên nguồn nhân lực còn thiếu và chi phí nhân công tăng so với cùng kỳ. Giá cà phê trong tháng tiếp tục tăng cùng với giá cà phê thế giới nên người dân rất phấn khởi. Các chương trình xoá đói giảm nghèo, cho vay vốn phát triển sản xuất được triển khai đến từng hộ gia đình tạo vốn sản xuất, việc làm, tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; công tác xuất khẩu lao động được chú trọng triển khai thực hiện. Các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch thường xuyên được tổ chức nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp trong việc đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hoá để chuẩn bị hỗ trợ các đối tượng chính sách và người nghèo trong dịp Tết nguyên đán sắp tới.

Thị trường lao động phát triển ổn định, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động bình thường; ngành nghề nông nghiệp phát triển ổn định; có nhiều doanh nghiệp ngoài tỉnh, doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk và các huyện, thị xã và thành phố để tuyển dụng lao động. Bên cạnh đó, người lao động đã chủ động trong việc đi tìm việc làm, chuyển đổi việc làm, tự tạo việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của bản thân để tạo ra thu nhập, không trông chờ, ỷ lại các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

## 2. Hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

Trong tháng 11 năm 2024, các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch tại các đơn vị ở khắp địa phương trên địa bàn tỉnh được tổ chức liên tục, sôi nổi đáp ứng nhu cầu vui chơi, học tập, thưởng thức các chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao và du lịch của Nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên, liên kết xây dựng tour tuyến du lịch gắn kết với các sự kiện của các địa phương, các tỉnh thành trong khu vực Tây nguyên nói riêng và cả nước nói chung chưa được phát huy; vấn đề về giao thông đi lại gặp không ít khó khăn; sản phẩm du lịch chất lượng chưa cao, chưa thật sự hấp dẫn để thu hút khách du lịch.

*Văn hóa:* Các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên đã tạo được không khí sôi nổi, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai kịp thời công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh đảm bảo theo đúng chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Tích cực tham gia Cuộc thi trực tuyến toàn quốc tìm hiểu nội dung cuốn sách “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; tổ chức thành công Liên hoan Tuyên truyền lưu động tỉnh Đắk Lắk lần thứ 18 năm 2024... Phối hợp với Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thực hiện trưng bày chuyên đề<sup>16</sup>. Đặc biệt đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh Đắk Lắk; Liên hoan Tuyên truyền lưu động tỉnh Đắk Lắk lần thứ 18 năm 2024 và đăng cai Triển lãm Tranh cổ động tám lớn về tuyên truyền “Xây dựng môi trường văn hóa”.

*Thể thao:* Tiếp tục đào tạo các vận động viên thể thao các tuyến của tỉnh và cử các đội tuyển tham gia tập huấn và thi đấu các giải thể thao khu vực và Quốc gia; đẩy mạnh kêu gọi xã hội hóa cho việc tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển về cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch hoạt động thể dục thể thao của tỉnh và đăng cai các giải thể thao toàn quốc năm 2025; hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo công tác chuyên môn trong tổ chức Hội thao truyền thống Ngành Giáo dục (diễn ra từ ngày 07 - 09/11/2024). Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao.

Tổng số vận động viên của tỉnh được tập trung đào tạo, huấn luyện là 391, trong đó: Vận động viên Tuyển tuyển 72; Tuyển trẻ 93; Tuyển năng khiếu 188. Tập trung thời vụ: 38 VĐV (môn Đẩy gậy và Kéo co). Tính đến ngày 11/11/2024

---

<sup>16</sup> Triển lãm ảnh “Sắc màu các dân tộc Việt Nam” thuộc “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024” và Triển khai thi công trưng bày chuyên đề “Một số thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk qua 120 năm hình thành và phát triển (22/11/1904 - 22/11/2024); 80 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024) và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2024)”.

đăng ký tham gia thi đấu 57 giải thể thao, đạt 240 huy chương các loại, vượt chỉ tiêu huy chương đề ra.

*Du lịch:* Triển khai các hoạt động du lịch, phục vụ du khách trong thời gian tổ chức kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng<sup>17</sup> liên quan đến ngành, lĩnh vực. Kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch. Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình: Tham gia trưng bày giới thiệu Du lịch Đắc Lắc tại Hội chợ Công thương và sản phẩm OCOP - Đắc Lắc năm 2024; Tuần lễ Văn hóa - Du lịch - Ẩm thực Đồng Nai năm 2024. Phối hợp với các cơ sở lưu trú và công ty lữ hành quốc tế, nội địa trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, vận động khách du lịch đến xem Chương trình biểu diễn Văn hóa Cồng chiêng phục vụ Nhân dân và du khách. Giới thiệu video clip quảng bá du lịch Đắc Lắc trong các chương trình, sự kiện xúc tiến du lịch. Triển khai việc quảng bá du lịch Đắc Lắc trên đài truyền hình Việt Nam VTV1. Tổng số lượt khách phục vụ là 2.145.217 lượt, tăng 51,40% so với cùng kỳ năm trước; trong đó lượt khách ngủ qua đêm là 1.368.910 lượt, tăng 34,86%, khách trong ngày là 776.307 lượt, tăng 93,20%. Số lượt khách phục vụ theo tuor là 12.472 lượt, tăng 43,80%, trong đó khách đi trong nước là 9.529 lượt, tăng 28,69%, khách ra nước ngoài là 2.943 lượt, tăng 132,10% so cùng kỳ năm trước.

#### **4. Giáo dục - Đào tạo**

Trong tháng 11/2024, ngành giáo dục tỉnh đã hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, tiêu biểu trong đó chính là tổ chức thành công các hoạt động chào mừng kỷ niệm 42 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam: Hội thao truyền thống ngành GDĐT tỉnh Đắc Lắc lần thứ 41 - năm 2024; Hội thi “Giai điệu Tuổi hồng” tỉnh Đắc Lắc lần thứ XVI - năm 2024<sup>18</sup>. Lễ trao tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú và kỷ niệm 42 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam.

---

<sup>17</sup> Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, điều hành cơ sở lưu trú du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, bảo tàng; Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch, dịch vụ homestay và Lớp hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm tại buôn buôn Tuôr, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột.

<sup>18</sup> Hội thao: Đối với khối Phòng GDĐT: Phòng GDĐT thành phố Buôn Ma Thuột đoạt giải Nhất; giải Nhì thuộc về Phòng GDĐT huyện Krông Pắc; giải Ba thuộc về Phòng GDĐT huyện Krông Bông; đối với khối trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học: Trường TH, THCS&THPT Hoàng Việt đoạt giải Nhất toàn đoàn; Trường THPT Lê Quý Đôn đoạt giải Nhì toàn đoàn; giải Ba toàn đoàn thuộc về Trường THPT Buôn Đôn. Hội thi Giai điệu tuổi hồng”: Trao tổng cộng 100 giải (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) trong đó khối các trường THPT 74 giải và khối Phòng GDĐT 26 giải, cho các tiết mục dự thi xuất sắc tại Hội thi. Cụ thể, khối các trường THPT, giải Nhất toàn đoàn thuộc về Trường THPT Lê Quý Đôn; giải Nhì toàn đoàn thuộc về Trường THPT Trần Đại Nghĩa; giải Ba toàn đoàn thuộc về Trường THPT Hồng Đức và Trường THPT Lê Duẩn. Khối Phòng GDĐT, giải Nhất toàn đoàn thuộc về Phòng GDĐT thành phố Buôn Ma Thuột; giải Nhì thuộc về Phòng GDĐT huyện Cư M'gar; giải Ba thuộc về Phòng GDĐT huyện Ea H'leo và Phòng GDĐT thị xã Buôn Hồ.

Tổ chức Hội nghị công tác tuyển sinh lớp 10 Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh; dạy học thực nghiệm Tài liệu địa phương lớp 12. Tham gia Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số lớp 5, vòng 1 (08 thứ tiếng); dự trại chỉnh sửa bản mẫu sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số lớp 5 sau thẩm định vòng 1; chỉnh sửa tài liệu hướng dẫn dạy học lớp 5 chuẩn bị thẩm định.

## 5. Công tác Y tế

Công tác y tế dự phòng luôn được ngành y tế tỉnh quan tâm và triển khai đồng bộ tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Trong tháng 11/2024, ngành y tế của tỉnh đã theo dõi, giám sát tình hình bệnh nhân sốt rét các huyện, thị xã, thành phố và các bệnh viện tuyến tỉnh; Tham gia hỗ trợ giám sát xây dựng hồ sơ loại trừ sốt rét năm 2024 cùng đoàn công tác Viện sốt rét Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn. Giám sát phun tồn lưu, tấm màn bằng hóa chất phòng chống sốt rét năm 2024 tại 2 xã Ea Huar và Krông Na huyện Buôn Đôn. Thực hiện giám sát hoạt động phòng chống ung thư đợt II năm 2024 tại các huyện Ea Sup, Buôn Đôn, Cư M'gar.

Trong tháng 11/2024, toàn tỉnh đã ghi nhận 1.450 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, 01 trường hợp tử vong; tích lũy (M/C) 6.090/3. Bệnh thủy đậu là 61 trường hợp, tích lũy (M/C) 352/0. Tay Chân Miệng là 78 trường hợp, tích lũy (M/C) 725/0. Bệnh sởi là 325 trường hợp, tích lũy (M/C) 550/0. Bệnh viêm não Nhật Bản là 0 trường hợp, tích lũy (M/C) 03/0. Bệnh Covid-19 là 0 trường hợp, tích lũy (M/C) 9/0. Các đơn vị duy trì tốt công tác khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn. Tổng số lượt khám chữa bệnh toàn tỉnh trong tháng 11/2024 khám 345.222 lượt, nội trú 28.059 lượt, ngoại trú 7.404 lượt, chuyển viện (nội trú) 1.669 trường hợp<sup>19</sup>.

*Chương trình mục tiêu Quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP):* Trong kỳ, các cơ quan chức năng đã giám sát, hỗ trợ chuyên môn phòng chống ngộ độc thực phẩm tại Trung tâm Y tế huyện Krông Pắc và huyện Cư M'gar; giám sát ATTP phục vụ Đại hội đại biểu các Dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk lần thứ IV năm 2024. Tham gia Đoàn của Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên về đánh giá nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất nước đá dùng liền trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các huyện: Cư M'gar, Krông Pắc, Buôn Đôn. Thẩm định điều kiện ATTP tại 07 cơ sở thực phẩm. Kết quả: 04 cơ sở đạt yêu cầu, 03 cơ sở chưa đạt yêu cầu về ATTP cho chờ hoàn thiện theo quy định. Trong tháng 11/2024, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm

---

<sup>19</sup> Trong đó: Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên: Khám: 39.432 lượt, nội trú: 1.577, ngoại trú: 1.159, chuyển viện (nội trú): 539 trường hợp. Bệnh viện đa khoa Tp. Buôn Ma Thuột: Khám: 21.179 lượt, nội trú: 1.378, ngoại trú: 338, chuyển viện (nội trú): 47 trường hợp. Bệnh viện Y học cổ truyền: Khám: 2.158 lượt, nội trú: 897, ngoại trú: 110, chuyển viện (nội trú): 02 trường hợp.

nào. Tính chung 11 tháng năm 2024, toàn tỉnh đã xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm, giảm 57,14% so với cùng kỳ năm trước, làm 36 người mắc và nhập viện điều trị, giảm 47,83% so với cùng kỳ năm trước.

*Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống HIV/AIDS:* Số HIV/AIDS/TV mới phát hiện trong tháng là 06/00/01. Tính chung 11 tháng năm 2024 là 92/00/20. Số bệnh nhân điều trị bằng Methadone là 202 người.

## **6. Tình hình cháy nổ, môi trường và thiên tai**

*Tình hình cháy, nổ:* Tháng 11/2024 trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nổ nào. Tính chung 11 tháng năm 2024, toàn tỉnh phát sinh 19 vụ cháy, nổ, tăng 35,71% so với cùng kỳ năm trước, không có người chết và bị thương. Tổng giá trị thiệt hại 2.922 triệu đồng, giảm 56,74% so với cùng kỳ năm trước.

*Vi phạm môi trường:* Tháng 11/2024 các cơ quan chức năng đã phát hiện 05 vụ vi phạm môi trường, đã xử lý 05 vụ vi phạm môi trường, số tiền xử phạt 3,5 triệu đồng. Tính chung 11 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 48 vụ vi phạm môi trường, xử lý 45 vụ, tổng số tiền xử phạt là 1.397,5 triệu đồng.

*Tình hình thiên tai:* Từ ngày 27/10 đến 28/11/2024, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 trận sạt lở đất do mưa lớn tại điểm Buôn Thi, xã Ea Trang huyện M'Đrăk, không gây thiệt hại về người và tài sản. Điểm sạt lở đất chiều dài trên 20m, chiều rộng trên 10 m làm ảnh hưởng đến 04 hộ dân sinh sống dưới chân đồi phải di dời.

Tính chung 11 tháng năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 đợt hạn hán, 01 đợt mưa lũ, 01 trận sạt lở và 07 trận dông, lốc, mưa đá làm 01 người chết; hư hỏng 75 nhà dân, 5 phòng học tại 2 điểm trường; thiệt hại hơn 29.284 ha cây trồng các loại; chết 15 con gia súc, 300 con gia cầm; hư hỏng một số công trình cơ sở hạ tầng khác. Ước tính tổng thiệt hại hơn 215 tỷ đồng<sup>20</sup>. Lãnh đạo chính quyền địa phương của các địa phương bị thiệt hại đã chỉ đạo công tác kiểm tra, thống kê thiệt hại; huy động lực lượng tại chỗ (các ban ngành, đoàn thể) khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời nhằm sớm ổn định cuộc sống của nhân dân.

## **7. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội**

Tình trạng vi phạm pháp luật tiếp tục diễn biến phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi, tội phạm hình sự, cố ý gây thương tích, vi phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, tội phạm về ma túy, tệ nạn xã hội tăng. Các cơ quan chức năng đã và đang triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh trật tự. Thực hiện công tác thường trực chiến đấu, sẵn sàng lực lượng và phương tiện xử lý kịp thời hiệu quả các tình huống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ; kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phòng chống tội phạm.

---

<sup>20</sup> Số liệu được cập nhập

Tháng 11/2024 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 35 vụ Tai nạn giao thông, làm chết 20 người và bị thương 30 người (so với tháng trước tăng 20,69% về số vụ, giảm 13,04% về số người chết, tăng 130,77% về số người bị thương; so với cùng kỳ năm trước tăng 133,33% về số vụ, tăng 53,85% về số người chết, tăng 275,0% về số người bị thương). Ước giá trị thiệt hại là 259,4 triệu đồng.

Tính chung 11 tháng năm 2024, trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra 386 vụ tai nạn giao thông (tăng 153,95% so với cùng kỳ), làm 247 người chết (tăng 87,12% so với cùng kỳ) và 274 người bị thương (tăng 349,18% so với cùng kỳ). Ước giá trị thiệt hại 5.347,6 triệu đồng./.

## **CỤC TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Vụ Thống kê Tổng hợp & PBTTTK (b/c);
- Vp Tỉnh Ủy, UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- Lãnh đạo CTK;
- Các phòng nghiệp vụ VPC;
- Lưu: VT, TKTH.

**Đỗ Tấn Xuân**

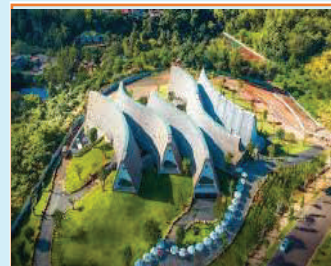


# TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ ĐẮK LẮK



## KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK

11 tháng năm 2024



02623.856.008



[thongkedaklak.gov.vn](http://thongkedaklak.gov.vn)



19 Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuật



## Nông nghiệp

Tính đến ngày 23/11/2024, tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 329.681 ha, tăng 1,94% so với cùng kỳ năm trước.



▲ 6,95%  
74.198 ha



Lúa mùa

▼ 2,54%  
78.624 ha



Cây ngô

▲ 5,57%  
5.880 ha



Khoai lang

▼ 1,68%  
35.582 ha



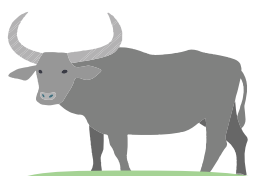
Rau, đậu

## Chăn nuôi

Sản lượng thịt hơi 11 tháng năm 2024



▲ 3,31%  
19.621 tấn



▲ 3,23%  
2.877 tấn



▲ 3,66%  
183.851 tấn

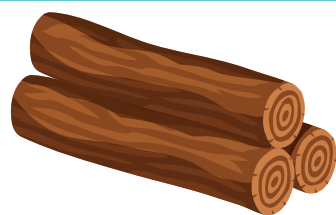


▲ 4,58%  
83.581 tấn

Tính đến thời điểm cuối tháng 11/2024, đàn trâu ước 29.312 con, đàn bò là 253.048 con, đàn lợn 1.070.201 con và đàn gia cầm 16.589 nghìn con



## Lâm nghiệp



▲ 3,42%  
405.276 m<sup>3</sup>  
Sản lượng  
gỗ khai thác



Vượt 132,48% KH  
4222,41 Ha  
Diện tích trồng rừng  
(Doanh nghiệp)

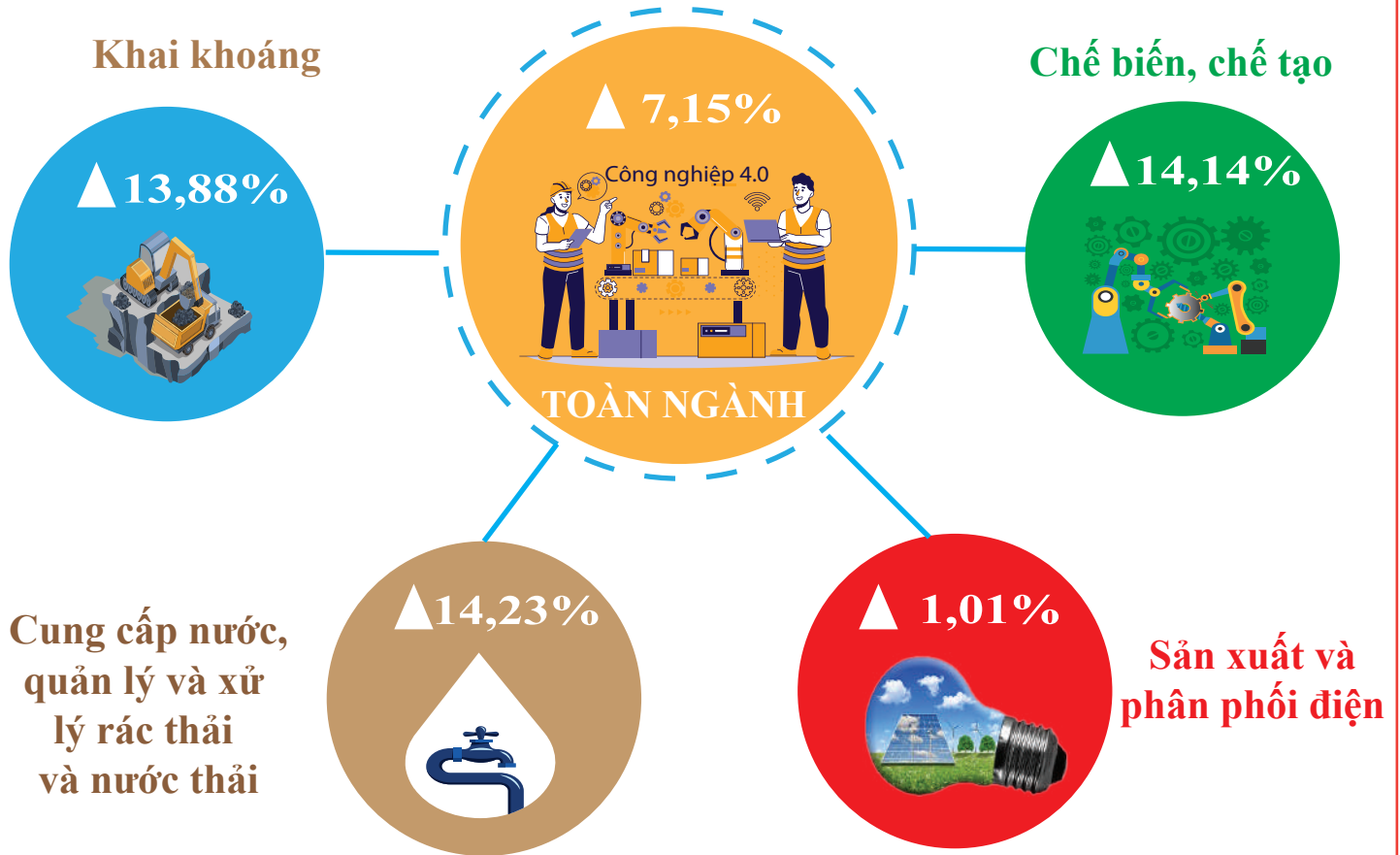
## Thủy sản

▲ 4,37%  
20.774 tấn

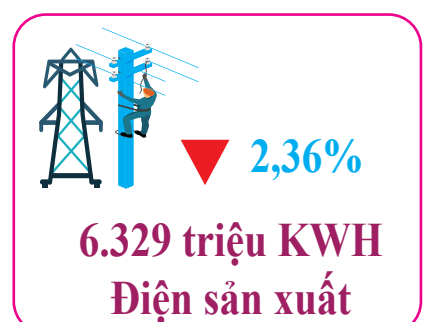
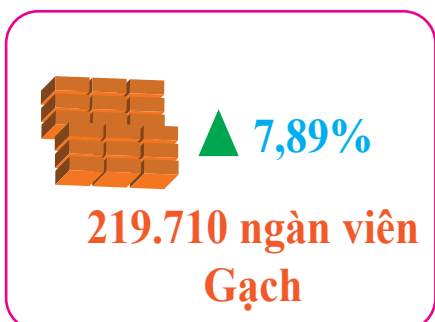
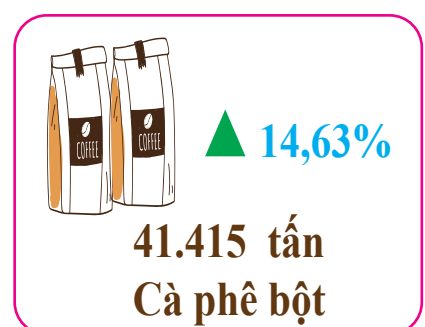
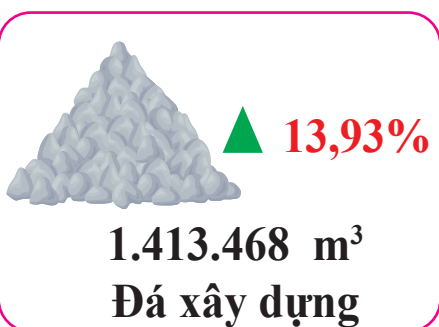


Sản lượng thủy sản

# Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)



## Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)



# Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)



## Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

86.744,8 tỷ đồng



▲ 10,81%

Bán lẻ hàng hóa

8.246,8 tỷ đồng



▲ 9,17%

Lưu trú, ăn uống

97,4 tỷ đồng



▲ 59,65%

Du lịch

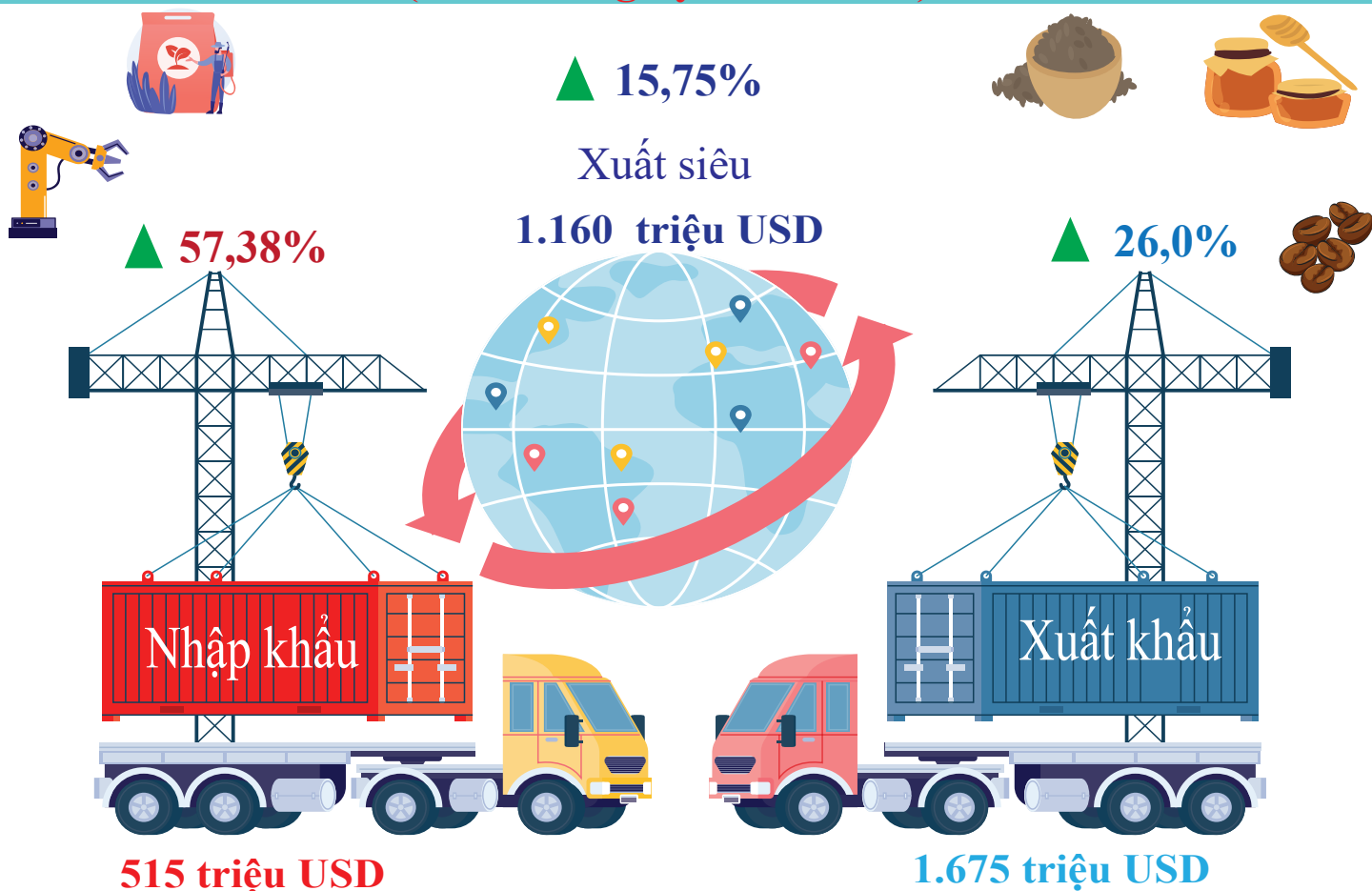
5.927,0 tỷ đồng



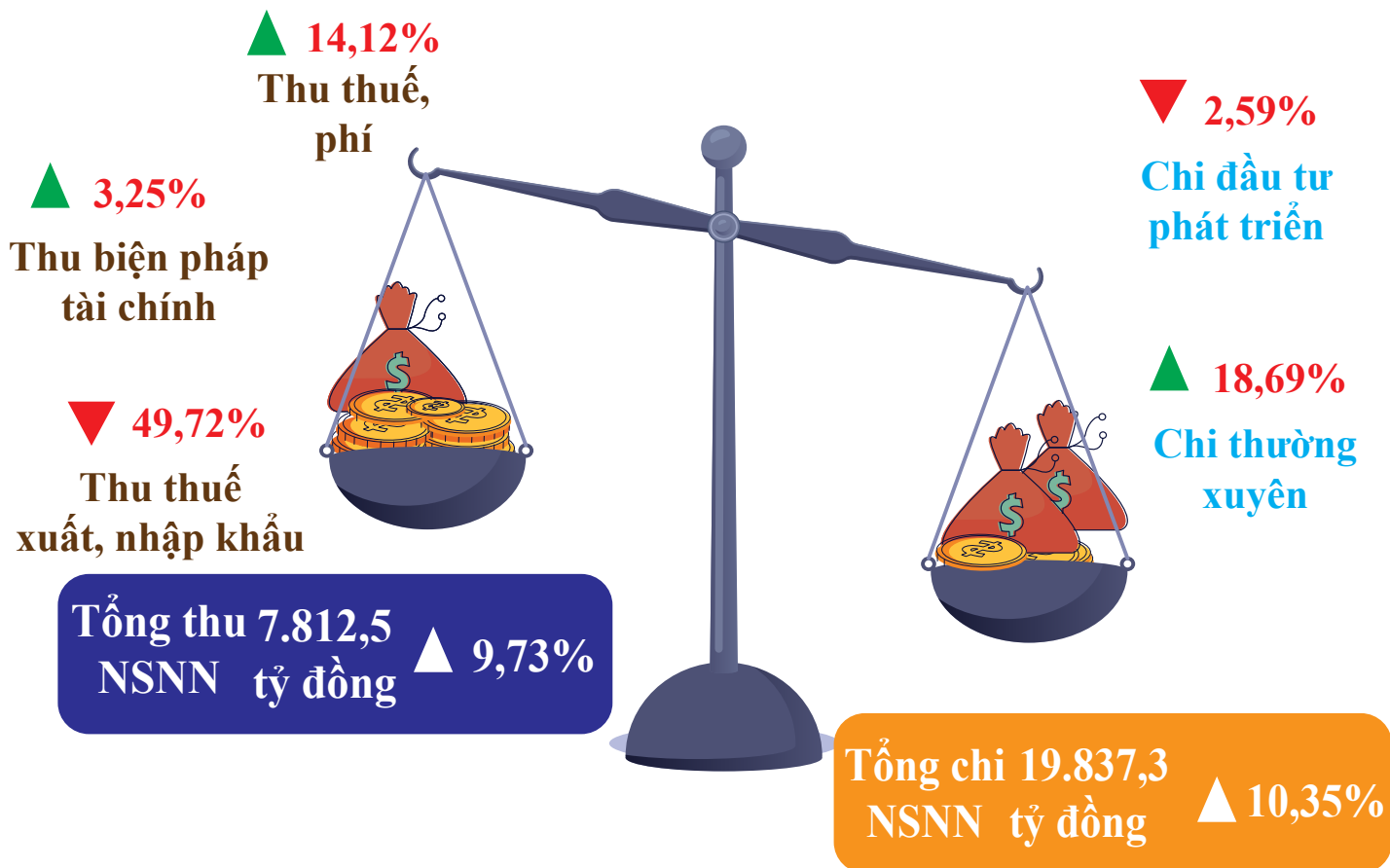
▲ 16,32%

Dịch vụ khác

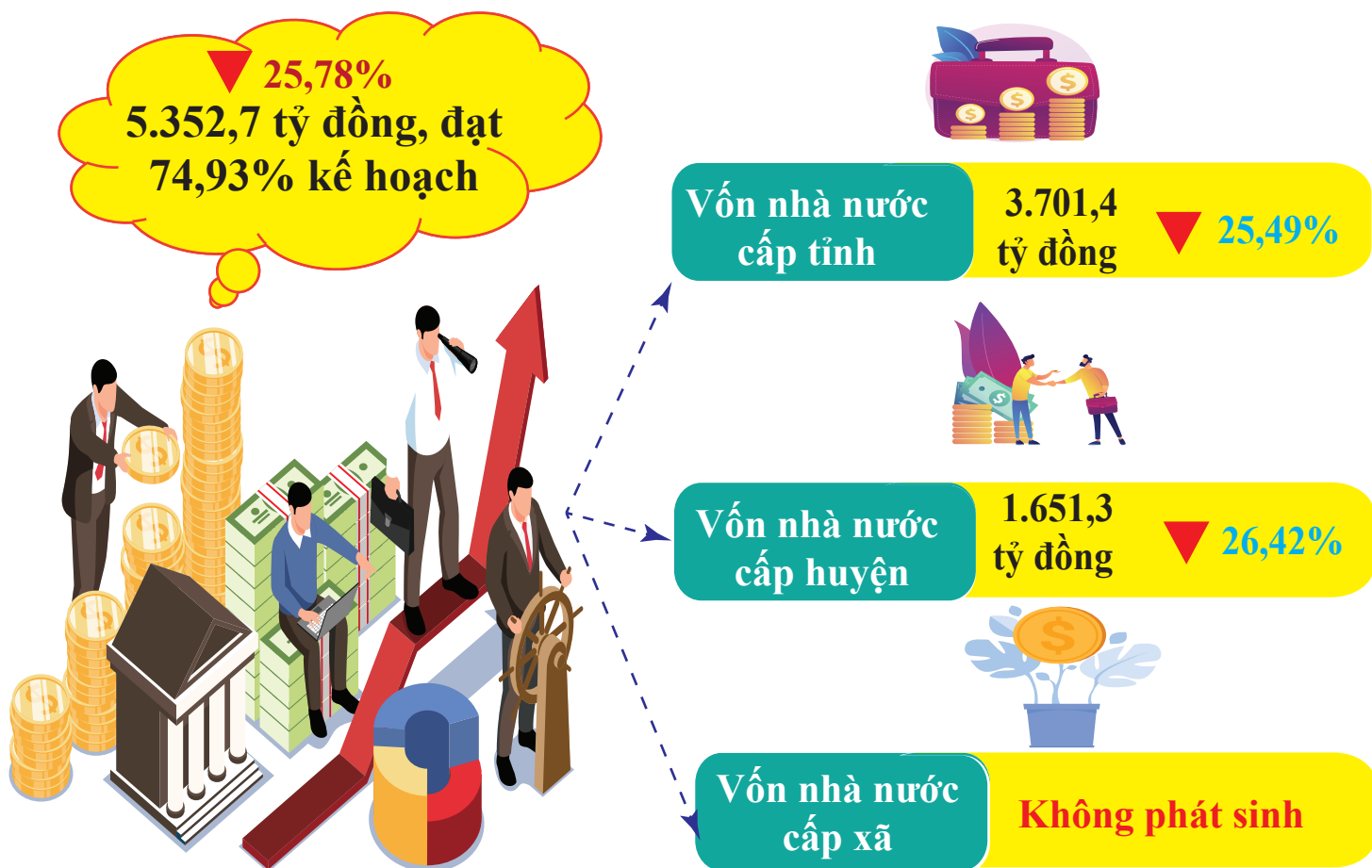
# Xuất, nhập khẩu 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)



## Thu chi ngân sách nhà nước (tính đến ngày 30/11/2024)



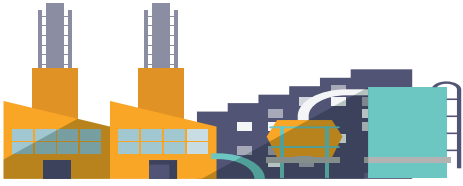
## Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)



## Phát triển doanh nghiệp 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)

▲ 9,29%

1.365 doanh nghiệp



Doanh nghiệp đăng ký mới

▼ 25,98%

8.700 tỷ đồng



Vốn đăng ký

▲ 17,68%

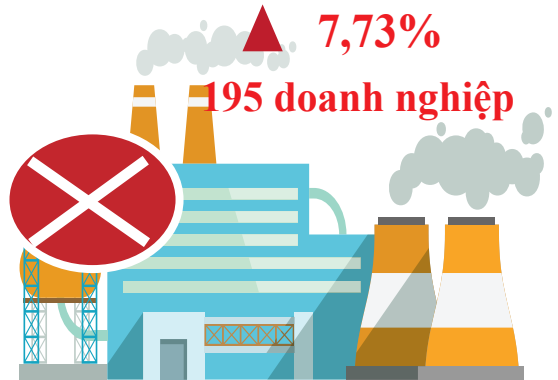
792 doanh nghiệp



Doanh nghiệp ngừng hoạt động

▲ 7,73%

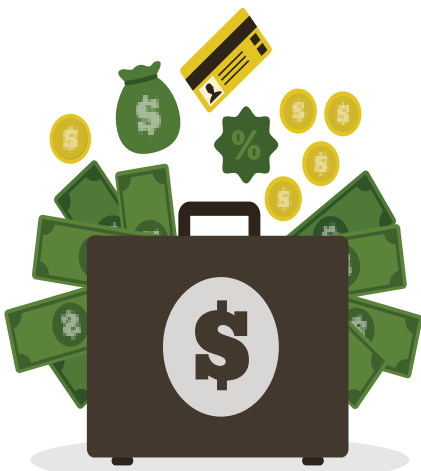
195 doanh nghiệp



Doanh nghiệp giải thể

## Ngân hàng 11 tháng năm 2024 (so với thời điểm đầu năm 2024)

▲ 19,08%



Tổng nguồn vốn huy  
động 99.000 tỷ đồng

▲ 4,73%



Tổng dư nợ cho  
vay 159.000 tỷ đồng

## Du lịch 11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



▲ 51,40%

2.145.217 lượt khách  
do cơ sở lưu trú phục vụ

776.307 lượt  
khách trong ngày

1.368.910 lượt  
khách ngủ qua đêm



▲ 43,80%

12.472 lượt khách  
do cơ sở lữ hành phục vụ

9.529 lượt  
khách trong nước

2.943 lượt  
khách đi quốc tế

## Chỉ số giá tiêu dùng

105,37%

CPI tháng 11/2024  
so với  
tháng 11/2023



119,85%

Chỉ số giá  
vàng bình quân  
11 tháng năm 2024  
so với cùng  
kỳ năm trước

105,35%

Chỉ số giá  
tiêu dùng(CPI) bình  
quân 11 tháng năm  
2024 (%)



100,44%

CPI tháng 11/2024  
so với  
tháng 10/2024



104,68%

Chỉ số giá  
đô la bình quân  
11 tháng năm 2024  
so với cùng  
kỳ năm trước

# Doanh thu vận tải, hàng hóa và dịch vụ hỗ trợ vận tải 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)

▲ 4,42%



Vận tải hành khách

▼ 0,07%



Vận tải hàng hóa

▲ 7,15%

3.329 tỷ đồng

Tổng doanh thu

▲ 35,54%



DV hỗ trợ vận tải

▲ 0,46%



Bưu chính, chuyển phát

## Vận tải hành khách và hàng hóa 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)

Vận tải hành khách

15.291 nghìn HK ▼ 0,61%

Vận chuyển

Vận tải hàng hóa

3.256 nghìn tấn ▼ 12,33%



1.438 triệu lượt  
HK.km ▲ 18,55%

Luân chuyển



861 triệu  
tấn.km ▼ 13,34%

## Y tế 11 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)

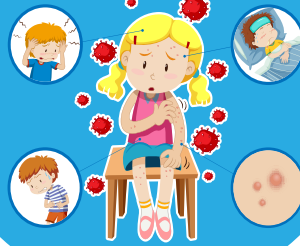
### Sốt xuất huyết

6.090 trường hợp, 03 tử vong



### Tay chân miệng

725 trường hợp, 0 tử vong



### Sởi

550 trường hợp, 0 tử vong



09 trường hợp, 0 tử vong



Covid-19

352 trường hợp, 0 tử vong



Thủy đậu

03 trường hợp, 0 tử vong



Viêm não Nhật Bản

## An toàn vệ sinh thực phẩm và Cháy nổ 11 tháng 2024 (so với cùng kỳ năm trước)

▼ 57,14%  
03 vụ ngộ độc thực phẩm



36 người mắc và nhập viện, 0 người tử vong

▲ 35,71%  
19 vụ cháy nổ



0 người chết, 0 người bị thương  
thiệt hại 2.922 triệu đồng

## Tai nạn giao thông 11 tháng năm 2024 ( so với cùng kỳ năm trước)



## Thiệt hại thiên tai tính đến 28/11/2024 ( so với cùng kỳ năm trước)



Thiên tai làm 01 người chết; hư hỏng 75 nhà dân, 5 phòng học tại 2 điểm trường; thiệt hại hơn 29.284 ha cây trồng các loại; chết 15 con gia súc, 300 con gia cầm; hư hỏng một số công trình cơ sở hạ tầng khác.

**PHỤ LỤC ƯỚC SỐ LIỆU THÔNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI  
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024**

***Gồm có:***

1. Tình hình Thu - Chi ngân sách Nhà nước
2. Sản xuất Nông nghiệp
3. Chỉ số sản xuất Công nghiệp
4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ
7. Doanh thu bán lẻ hàng hóa
8. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống
9. Doanh thu dịch vụ khác
10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải
11. Chỉ số giá tiêu dùng
12. Vận tải hành khách
13. Vận tải hàng hóa
14. Trật tự an toàn xã hội



## 1.2. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	Dự toán TW (triệu đồng)	Dự toán ĐP (triệu đồng)	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ trước kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Lũy kế thực hiện đến kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Lũy kế thực hiện so với dự toán TW năm (%)	Lũy kế thực hiện so với dự toán ĐP năm (%)	Lũy kế thực hiện so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng chi</b>	<b>20.949.315</b>	<b>22.784.005</b>	<b>18.049.404</b>	<b>1.787.876</b>	<b>19.837.280</b>	<b>94,69</b>	<b>87,07</b>	<b>110,35</b>
<i>Phân theo nội dung kinh tế</i>								
<i>Trong đó:</i>								
- Chi đầu tư phát triển	4.897.865	6.226.865	6.465.133	395.402	6.860.535	140,07	110,18	97,41
- Chi thường xuyên	15.696.120	16.016.120	11.584.271	1.392.474	12.976.745	82,67	81,02	118,69
- Chi bổ sung Quỹ DTTC	1.440	1.440	-			-	-	-
- Chi trả nợ lãi	1.500	1.500	-			-	-	-
- Chi dự phòng	352.390	408.080	-			-	-	-

## 2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 23 tháng 11 năm 2024

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm (ha) (Vụ Đông Xuân + Vụ Mùa (Hè thu + Thu đông))</b>	<b>323.417</b>	<b>329.681</b>	<b>101,94</b>
<b>Trong đó:</b>			
<b>Lúa</b>	<b>116.386</b>	<b>121.663</b>	<b>104,53</b>
Lúa đông xuân	47.008	47.465	100,97
Lúa hè thu	-	-	-
Lúa mùa ( hoặc thu đông )	69.378	74.198	106,95
<b>Các loại cây khác (ha)</b>			
Ngô	80.673	78.624	97,46
Khoai lang	5.570	5.880	105,57
Sắn	40.155	38.468	95,80
Lạc (Đậu Phộng)	5.397	4.757	88,14
Đậu nành (đậu tương)	1.147	1.046	91,19
Mía	13.446	14.190	105,53
Đậu các loại	21.028	20.659	98,25
Rau các loại	15.161	14.923	98,43
<b>Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (tấn) (Vụ Đông Xuân+ Vụ mùa (Hè thu ))</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	352.523	369.699	104,87
Lúa hè thu	-	-	-
Lúa mùa ( hoặc thu đông )	458.400	502.989	109,73
<b>Cây trồng khác (tấn)</b>			
Ngô	335.215	333.831	99,59
Khoai lang	88.761	93.021	104,80
Sắn	1.008.636	1.000.298	99,17
Mía	961.974	1.028.302	106,89
Đậu tương	1.002	951	94,91
Đậu Lạc	4.868	4.338	89,11
Đậu các loại	16.777	16.852	100,45
Rau các loại	222.529	231.325	103,95

(\*) Vụ mùa= Hè thu+ thu đông

### 3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 và 11 tháng năm 2024

ĐVT : %

	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ trước kỳ báo cáo	Ước tính kỳ báo cáo so với kỳ trước	Ước tính kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
<b>Tổng số</b>	<b>106,28</b>	<b>103,78</b>	<b>114,83</b>	<b>107,15</b>
<b>B.Khai khoáng</b>	<b>114,73</b>	<b>86,70</b>	<b>105,37</b>	<b>113,88</b>
+ Khai khoáng khác	114,73	86,70	105,37	113,88
<b>C.Công nghiệp chế biến chế tạo</b>	<b>112,96</b>	<b>100,99</b>	<b>127,61</b>	<b>114,14</b>
+ Sản xuất chế biến thực phẩm	115,11	106,49	114,23	115,04
+ Sản xuất đồ uống	125,00	105,76	116,81	124,11
+ Sản xuất trang phục	157,14	105,53	211,03	161,69
+ Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	126,79	102,15	186,18	131,96
+ Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	145,66	99,13	123,67	143,28
+ In, sao chép bản ghi các loại	116,05	142,50	84,71	109,27
+ Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	129,05	129,10	97,90	103,20
+ Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	119,50	101,47	118,01	119,36
+ Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	117,10	123,39	92,92	114,19
+ Sản xuất kim loại	104,40	87,15	109,89	104,88
+ Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	68,46	76,38	327,68	85,70
+ Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	469,70	100,00	173,36	405,96
+ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	80,08	144,60	78,72	79,89
+ Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	0,00	100,99	0,00	0,00
+ Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	68,70	92,74	117,41	71,65
<b>D.Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước...</b>	<b>100,20</b>	<b>105,75</b>	<b>106,78</b>	<b>101,01</b>
+ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước...	100,20	105,75	106,78	101,01
<b>E.Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>111,94</b>	<b>108,95</b>	<b>138,33</b>	<b>114,23</b>
+ Khai thác, xử lý và cung cấp nước	104,35	112,35	118,49	105,63
+ Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	123,00	105,33	170,71	126,90

#### 4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 10/2024	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Đá granit, pophia, bazan	M3			-	-	-
Đá xây dựng khác	M3	136.949	118.357	1.413.468	105,30	113,93
Tinh bột sắn, bột dong riêng	Tấn	6.412	6.500	53.971	216,90	176,16
Đường RS	Tấn	-	2.000	70.111	80,15	116,89
Cà phê bột các loại (gồm cả cà phê hương liệu)	Tấn	3.362	3.448	41.415	111,17	114,63
Thức ăn gia súc	Tấn	3.400	3.600	21.826	179,37	138,78
Bia đóng chai	1000 lít	6.012	6.448	58.818	110,07	118,74
Nước tinh khiết	1000 lít	1.780	1.866	22.178	100,49	100,58
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	960	1.036	8.502	1.451,92	462,14
Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hay plastic	1000 đôi	170	174	1.417	191,21	128,58
Giày, dép có đế hoặc mũ bằng da	1000 đôi	172	175	1.422	176,77	139,40
Gỗ cưa hoặc xẻ (trừ gỗ xẻ tà vẹt)	M3	-	-	3.781	-	29,03
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	9.970	9.980	87.050	587,06	187,24
Báo in (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu trang	51	73	437	84,71	109,27
Phân khoáng hoặc phân hoá học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK)	Tấn	33	59	3.524	105,36	100,45
Phân vi sinh	Tấn	212	442	6.089	88,30	115,98
Các hợp chất từ cao su tổng hợp và cao su tự nhiên và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh	Tấn	958	1.223	8.239	98,12	102,81
Bao và túi từ plastic khác	Tấn	136	138	1.417	117,95	119,68

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 10/2024	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	9	9	61	129,58	69,47
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	21.662	22.749	219.710	160,34	107,89
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	14.992	21.334	212.912	87,47	140,38
Sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, dạng cuộn, có chiều rộng $\geq 600$ mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng	Tấn	13.770	12.000	132.040	109,89	104,88
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	21.080	15.583	48.164	429,34	74,80
Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M2	13.431	14.486	73.174	471,81	357,18
Dịch vụ tiện các bộ phận kim loại	Triệu đồng	6.526	3.998	21.252	2.485,69	313,09
Neo, móc và các bộ phận rời của chúng bằng sắt hoặc thép	Tấn	8	9	69	163,64	133,98
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	8.681	14.096	82.568	88,29	83,70
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	5.074	7.762	54.305	83,00	92,39
Tóc giả, râu giả, lông mi giả, độn tóc và các loại tương tự từ tóc người, lông động vật và từ nguyên liệu dệt	Kg	1.069	1.080	4.524	-	-
Điện thủy điện	Triệu KWh	675	685	4.385	108,46	91,39
Điện gió	Triệu KWh	59	101	666	102,51	141,30
Điện mặt trời	Triệu KWh	116	101	1.278	108,78	105,40
Điện thương phẩm	Triệu KWh	176	180	2.213	99,21	113,09
Nước uống được	1000 m3	3.513	3.948	38.873	118,49	105,63
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	9.291	9.786	89.077	170,71	126,90

## 5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Nội dung	Thực hiện tháng 10 năm 2024 (triệu đồng)	Ước tháng 11 năm 2024 (triệu đồng)	Cộng dồn thực hiện đến cuối kỳ báo cáo (triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng số</b>	<b>503.387</b>	<b>549.219</b>	<b>5.352.743</b>	<b>74,93</b>	<b>74,22</b>
<b>1. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>350.420</b>	<b>438.966</b>	<b>3.701.435</b>	<b>71,02</b>	<b>74,51</b>
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	29.661	84.970	1.169.063	75,43	54,15
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	28.118	84.152	203.376	34,94	24,94
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	297.748	307.373	2.378.279	80,08	93,08
- Vốn nước ngoài (ODA)	2.895	18.783	26.541	21,20	16,55
- Xổ số kiến thiết	20.116	15.800	99.295	55,57	121,98
- Vốn khác	-	12.040	28.257	7,28	239,63
<b>2. Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>152.967</b>	<b>110.253</b>	<b>1.651.308</b>	<b>85,45</b>	<b>73,58</b>
- Vốn cân đối ngân sách huyện	152.967	110.253	1.651.308	85,45	73,58
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	152.967	110.253	1.651.308	85,45	73,58
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
- Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>3. Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
- Vốn khác	-	-	-	-	-

## 6. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Thực hiện tháng 10 năm 2024 (triệu đồng)	Ước tính tháng 11 năm 2024 ( triệu đồng)	Cộng dồn 11 tháng năm 2024 (triệu đồng)	Ước tính tháng 11 năm 2024 so với tháng trước (%)	Tháng 11 năm 2024 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn 11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>9.767.250</b>	<b>10.155.162</b>	<b>101.016.033</b>	<b>103,97</b>	<b>117,04</b>	<b>111,01</b>
<i>Phân theo ngành hoạt động</i>						
Doanh thu bán lẻ	8.391.804	8.737.584	86.744.806	104,12	117,36	110,81
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	768.841	816.418	8.246.808	106,19	114,51	109,17
Dịch vụ lữ hành	8.474	10.020	97.387	118,24	220,41	159,65
Dịch vụ khác	598.131	591.140	5.927.032	98,83	115,10	116,32

## 7. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Thực hiện tháng 10/2024 (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>8.391.804</b>	<b>8.737.584</b>	<b>86.744.806</b>	<b>117,36</b>	<b>110,81</b>
<b>Phân theo nhóm hàng</b>					
1. Lương thực, thực phẩm	3.014.066	3.079.593	32.191.507	115,65	115,19
2. Hàng may mặc	301.087	314.730	3.293.644	97,17	106,87
3. Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	1.139.849	1.186.831	11.929.389	113,55	113,15
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	33.260	34.015	344.043	111,98	108,75
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	651.819	716.810	5.742.794	126,68	85,95
6. Ô tô các loại	256.864	285.069	2.151.204	119,75	114,64
7. Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	1.177.436	1.266.527	11.061.551	142,68	104,41
8. Xăng, dầu các loại	1.301.308	1.315.420	14.745.967	113,53	124,91
9. Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	16.333	16.698	190.027	84,73	84,02
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	182.824	182.960	1.919.247	108,86	117,57
11. Hàng hóa khác	196.923	204.510	2.037.801	78,77	75,01
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	120.035	134.421	1.137.632	157,26	131,95

## 8. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Thực hiện tháng 10 năm 2024 (triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>777.315</b>	<b>826.438</b>	<b>8.344.195</b>	<b>115,18</b>	<b>109,57</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>					
Dịch vụ lưu trú	78.737	82.201	807.132	145,59	132,76
Dịch vụ ăn uống	690.104	734.217	7.439.676	111,84	107,10
Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	8.474	10.020	97.387	220,41	159,65

## 9. Doanh thu dịch vụ khác tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Thực hiện tháng 10/2024 (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>598.131</b>	<b>591.140</b>	<b>5.927.032</b>	<b>115,10</b>	<b>116,32</b>
<b>Phân theo nhóm, ngành hàng</b>					
1. Dịch vụ kinh doanh bất động sản	38.218	38.818	400.381	103,05	99,89
2. Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ	83.995	85.387	788.133	132,79	130,00
3. Dịch vụ giáo dục và đào tạo	60.749	60.951	537.085	126,51	119,98
4. Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	156.339	154.285	1.508.211	125,50	130,93
5. Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí	102.651	81.391	1.052.035	88,81	103,94
6. Dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	35.780	40.724	364.180	127,22	127,47
7. Dịch vụ khác	120.399	129.584	1.277.007	110,91	107,22

**10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11 và 11 tháng năm 2024**

	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>330.196</b>	<b>3.329.384</b>	<b>104,68</b>	<b>116,08</b>	<b>107,15</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>108.212</b>	<b>1.166.154</b>	<b>101,75</b>	<b>107,11</b>	<b>104,42</b>
Đường bộ	108.212	1.166.154	101,75	107,11	104,42
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>111.630</b>	<b>1.160.803</b>	<b>105,31</b>	<b>108,11</b>	<b>99,93</b>
Đường bộ	111.630	1.160.803	105,31	108,11	99,93
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>74.504</b>	<b>656.249</b>	<b>106,46</b>	<b>158,64</b>	<b>135,54</b>
<b>Bưu chính, chuyên phát</b>	<b>35.850</b>	<b>346.178</b>	<b>108,29</b>	<b>107,95</b>	<b>100,46</b>

## 11. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 năm 2024

Đơn vị tính : %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với				Chỉ số giá bình quân kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>122,02</b>	<b>105,37</b>	<b>104,96</b>	<b>100,44</b>	<b>105,35</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124,41	107,27	106,87	100,18	105,00
Lương thực	140,22	113,15	109,82	100,89	118,06
Thực phẩm	130,78	106,95	106,91	99,87	104,48
Ăn uống ngoài gia đình	91,94	101,72	102,65	100,57	95,37
Đồ uống và thuốc lá	123,02	104,41	104,04	100,31	104,26
May mặc, giày dép và mũ nón	117,90	105,66	104,02	100,59	104,72
Nhà ở và vật liệu xây dựng	142,89	113,58	112,16	102,35	114,89
Thiết bị và đồ dùng gia đình	121,01	101,89	101,55	100,05	101,98
Thuốc và dịch vụ y tế	111,94	101,31	101,28	100,28	101,50
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	110,52	101,13	101,13	100,25	101,20
Giao thông	112,74	98,33	99,46	99,78	103,20
Bưu chính viễn thông	96,83	98,44	98,62	100,24	98,67
Giáo dục	119,64	105,63	105,62	100,04	105,30
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	117,50	106,33	106,33	100,00	104,54
Văn hoá, giải trí và du lịch	115,20	101,18	99,89	99,82	101,47
Hàng hoá và dịch vụ khác	128,51	109,00	108,01	100,45	108,46
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>212,93</b>	<b>123,97</b>	<b>118,26</b>	<b>102,87</b>	<b>119,85</b>
<b>CHỈ SỐ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>109,49</b>	<b>103,63</b>	<b>104,30</b>	<b>101,89</b>	<b>104,68</b>

## 12. Vận tải hành khách của địa phương tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. Vận chuyển hành khách - nghìn hành khách</b>	<b>1.339</b>	<b>15.291</b>	<b>100,68</b>	<b>104,53</b>	<b>99,39</b>
<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>		-			
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	1.339	15.291	100,68	104,53	99,39
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
<b>Phân theo ngành vận tải</b>		-			
Đường bộ	1.339	15.291	100,68	104,53	99,39
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
<b>B. Luân chuyển hành khách - Triệu HK.Km</b>	<b>138</b>	<b>1.438</b>	<b>101,36</b>	<b>122,43</b>	<b>118,55</b>
<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>		-			
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	138	1.438	101,36	122,43	118,55
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
<b>Phân theo ngành vận tải</b>		-			
Đường bộ	138	1.438	101,36	122,43	118,55
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-

### 13. Vận tải hàng hoá của địa phương tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. Vận chuyển hàng hoá - nghìn tấn</b>	<b>319</b>	<b>3.256</b>	<b>103,91</b>	<b>105,28</b>	<b>87,67</b>
<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>		-			
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	319	3.256	103,91	105,28	87,67
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
<b>Phân theo ngành vận tải</b>		-			
Đường bộ	319	3.256	103,91	105,28	87,67
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
<b>B. Luân chuyển hàng hoá - Triệu tấn.km</b>	<b>87</b>	<b>861</b>	<b>105,06</b>	<b>123,24</b>	<b>86,66</b>
<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>		-			
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	87	861	105,06	123,24	86,66
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
<b>Phân theo ngành vận tải</b>		-			
Đường bộ	87	861	105,06	123,24	86,66
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
		-			

#### 14. Trật tự, an toàn xã hội tháng 11 và 11 tháng 2024

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước ( % )	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước trước ( % )	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước ( % )
<b>1. Tai nạn giao thông</b>					
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>35</b>	<b>386</b>	<b>120,69</b>	<b>233,33</b>	<b>253,95</b>
Đường bộ	35	386	120,69	233,33	253,95
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>20</b>	<b>247</b>	<b>86,96</b>	<b>153,85</b>	<b>187,12</b>
Đường bộ	20	247	86,96	153,85	187,12
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>30</b>	<b>274</b>	<b>230,77</b>	<b>375,00</b>	<b>449,18</b>
Đường bộ	30	274	230,77	375,00	449,18
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>2. Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	19	-	-	135,71
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	2.922	-	-	43,26